



CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 273/2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 07 tháng 7 năm 2026

CỤC THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG CHÍNH PHỦ	
DẾN	Giờ: 5
	Ngày: 08/7/2026

NGHỊ ĐỊNH
Về kinh doanh hàng miễn thuế

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11;

Căn cứ Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14;

Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13;

Căn cứ Luật Thuế giá trị gia tăng số 48/2024/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14;

Căn cứ Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt số 66/2025/QH15;

Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13;

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính số 56/2024/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế Giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 90/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định về kinh doanh hàng miễn thuế.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về quản lý hải quan, thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người xuất cảnh, quá cảnh, nhập cảnh.
2. Đối tượng được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ tại Việt Nam.
3. Thuyền viên làm việc trên tàu biển chạy tuyến quốc tế.
4. Hành khách trên các chuyến bay quốc tế đi và đến Việt Nam.
5. Doanh nghiệp đủ điều kiện kinh doanh hàng miễn thuế theo quy định của pháp luật.
6. Cơ quan hải quan, công chức hải quan.
7. Đơn vị kinh doanh cảng biển, cảng hàng không dân dụng quốc tế, ga đường sắt liên vận quốc tế.
8. Ban quản lý khu kinh tế cửa khẩu đường bộ quốc tế, đơn vị được giao quản lý cửa khẩu đường bộ quốc tế.
9. Tổ chức có quyền và nghĩa vụ liên quan đến hoạt động kinh doanh bán hàng miễn thuế.
10. Các cơ quan khác của Nhà nước trong việc phối hợp quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý đối với hàng miễn thuế

1. Chính sách thuế đối với hàng hóa đưa vào bán tại cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế, quản lý thuế có liên quan.
2. Chính sách quản lý chuyên ngành đối với hàng hóa đưa vào bán tại cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý chuyên ngành có liên quan.
3. Hàng hóa đưa vào bán tại cửa hàng miễn thuế bao gồm: Hàng hóa tạm nhập khẩu từ nước ngoài, khu phi thuế quan, kho ngoại quan; hàng hóa từ nội địa được phép lưu thông theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Hàng hóa tạm nhập khẩu từ nước ngoài, khu phi thuế quan, kho ngoại quan đưa vào bán tại cửa hàng miễn thuế là mặt hàng không thuộc danh mục hàng cấm nhập khẩu, tạm ngừng nhập khẩu theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại thương và quản lý hải quan theo loại hình tạm nhập, tái xuất.

Hàng hóa từ nội địa được phép lưu thông theo quy định của pháp luật đưa vào bán tại cửa hàng miễn thuế là mặt hàng không thuộc danh mục hàng cấm xuất khẩu, tạm ngừng xuất khẩu. Trường hợp hàng hóa thuộc mặt hàng xuất khẩu có điều kiện thì phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật.

4. Hàng hóa từ nội địa được phép lưu thông theo quy định của pháp luật Việt Nam đưa vào bán tại cửa hàng miễn thuế được cơ quan hải quan quản lý, giám sát trên cơ sở thông báo danh sách hàng hóa đưa vào cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế của doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế.

5. Hàng hóa bán tại cửa hàng miễn thuế phải được lưu giữ tại cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế của doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế.

6. Thời gian lưu giữ hàng hóa tại cửa hàng miễn thuế theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 47 Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014.

7. Các mặt hàng thuốc lá, xì gà, rượu, bia, bán tại cửa hàng miễn thuế phải dán tem “VIET NAM DUTY NOT PAID” do Bộ Tài chính phát hành. Vị trí dán tem “VIET NAM DUTY NOT PAID” thực hiện theo Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này. Tem phải được dán trước khi bày bán tại cửa hàng miễn thuế hoặc trước khi giao cho đối tượng mua hàng trong trường hợp hàng được xuất thẳng từ kho chứa hàng miễn thuế đến đối tượng mua hàng.

8. Hàng hóa bị đổ vỡ, hư hỏng, mất phẩm chất, kém chất lượng, hết hạn sử dụng, không được bán phục vụ tiêu dùng: Doanh nghiệp lập biên bản về tình trạng hàng hóa để tiêu hủy (có xác nhận của Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế) và tổ chức tiêu hủy theo quy định. Trước khi thực hiện tiêu hủy, doanh nghiệp phải có văn bản thông báo cụ thể về kế hoạch tiêu hủy cho Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế để tổ chức giám sát việc tiêu hủy theo quy định.

9. Hàng hóa là hàng mẫu, hàng dùng thử đưa vào cửa hàng miễn thuế cho khách mua hàng dùng thử (giấy thử mùi nước hoa, rượu, mỹ phẩm, nước hoa,...), túi, bao bì nhập khẩu để đựng hàng miễn thuế cho khách mua hàng, doanh nghiệp thực hiện quản lý riêng hàng hóa này, đảm bảo sử dụng đúng mục đích và phải báo cáo quyết toán với cơ quan hải quan theo quy định tại Điều 19 Nghị định này.

Điều 4. Đồng tiền dùng trong giao dịch bán hàng miễn thuế

1. Đồng Việt Nam.

2. Đồng ngoại tệ đô la Mỹ (USD), euro (EUR).

3. Đồng tiền của nước có chung biên giới đất liền với địa điểm đặt cửa hàng miễn thuế tại khu vực biên giới.

4. Đồng tiền của quốc gia nơi các chuyến bay quốc tế của các hãng hàng không được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam thực hiện nhập cảnh, quá cảnh tại quốc gia đó.

Điều 5. Đối tượng và điều kiện mua hàng miễn thuế

1. Người xuất cảnh, quá cảnh sau khi hoàn thành thủ tục xuất cảnh, quá cảnh hoặc người chờ xuất cảnh được mua hàng miễn thuế.

a) Người xuất cảnh, quá cảnh qua các cửa khẩu đường bộ quốc tế, ga đường sắt liên vận quốc tế, cảng biển, cảng hàng không dân dụng quốc tế được mua hàng miễn thuế tại cửa hàng miễn thuế nằm trong khu vực cách ly;

b) Người chờ xuất cảnh được mua hàng miễn thuế tại cửa hàng miễn thuế trong nội địa và nhận tại quầy nhận hàng trong khu cách ly tại cửa khẩu quốc tế nơi hành khách xuất cảnh;

c) Ngoài địa điểm nhận hàng quy định tại khoản này, khách mua hàng quy định tại điểm a, điểm b khoản này được nhận hàng ở nước ngoài.

2. Hành khách trên các chuyến bay quốc tế xuất cảnh từ Việt Nam được mua hàng miễn thuế trên tàu bay xuất cảnh. Hành khách trên các chuyến bay quốc tế đến Việt Nam được mua hàng miễn thuế trên tàu bay đang thực hiện chuyến bay quốc tế đến Việt Nam.

3. Người nhập cảnh được mua hàng miễn thuế tại cửa hàng miễn thuế đặt tại khu vực hạn chế của cảng hàng không dân dụng quốc tế ngay sau khi hoàn thành thủ tục nhập cảnh, không được mua hàng miễn thuế sau khi đã ra khỏi khu vực hạn chế tại cảng hàng không dân dụng quốc tế.

4. Đối tượng được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ tại Việt Nam được mua hàng miễn thuế tại cửa hàng miễn thuế trong nội địa. Khi mua hàng miễn thuế cho tổ chức phải xuất trình sổ định mức hàng miễn thuế. Khi mua hàng miễn thuế cho cá nhân phải xuất trình sổ định mức hàng miễn thuế kèm chứng minh thư do Bộ Ngoại giao cấp.

5. Đối tượng mua hàng là thuyền viên làm việc trên tàu biển chạy tuyến quốc tế (bao gồm tàu biển có quốc tịch nước ngoài và tàu biển có quốc tịch Việt Nam chạy tuyến quốc tế) được mua hàng miễn thuế tại cảng biển, cửa hàng miễn thuế trong nội địa phục vụ cho nhu cầu cá nhân, nhu cầu sinh hoạt chung của thuyền viên để sử dụng trên tàu trong thời gian tàu neo đậu tại cảng biển Việt Nam và để sử dụng trên tàu ngoài lãnh hải Việt Nam sau khi tàu xuất cảnh.

a) Trường hợp mua hàng miễn thuế phục vụ nhu cầu cá nhân thuyền viên phải xuất trình hộ chiếu hoặc thẻ đi bờ của thuyền viên;

b) Trường hợp mua hàng miễn thuế phục vụ nhu cầu sinh hoạt chung của thuyền viên trong thời gian tàu neo đậu tại cảng biển Việt Nam, người mua hàng phải cung cấp thông tin số hiệu tàu, ngày tàu nhập cảnh, số hộ chiếu của từng thuyền viên;

c) Trường hợp hàng miễn thuế phục vụ nhu cầu của thuyền viên cho hành trình tiếp theo ngoài lãnh hải Việt Nam, người mua hàng phải cung cấp thông tin về số hiệu tàu, ngày tàu nhập cảnh, số hộ chiếu của từng thuyền viên. Hàng hóa phải được đưa vào kho chứa của tàu để cơ quan hải quan nơi tàu xuất cảnh niêm phong, xác nhận, giám sát cho đến khi tàu xuất cảnh.

6. Trong quá trình thực hiện, trường hợp thông tin cá nhân của người mua hàng miễn thuế có thể khai thác được từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu quốc gia khác hoặc Cơ sở dữ liệu chuyên ngành thì không yêu cầu người mua hàng miễn thuế xuất trình bản giấy các loại giấy tờ cung cấp thông tin này.

Điều 6. Định lượng mua hàng miễn thuế

1. Người xuất cảnh, quá cảnh, người chờ xuất cảnh quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định này hoặc hành khách trên các chuyến bay quốc tế xuất cảnh từ Việt Nam quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định này được mua hàng miễn thuế không hạn chế số lượng và trị giá nhưng phải tự chịu trách nhiệm về thủ tục và định lượng để nhập khẩu vào nước nhập cảnh.

2. Hành khách trên các chuyến bay quốc tế đến Việt Nam, người nhập cảnh quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 5 Nghị định này được mua hàng miễn thuế theo định mức quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 6 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

3. Đối tượng quy định tại khoản 4 Điều 5 Nghị định này được mua hàng miễn thuế theo định lượng quy định tại Điều 5 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu. Trường hợp mua hàng tại cửa hàng miễn thuế trong cửa khẩu đường bộ quốc tế, ga đường sắt liên vận quốc tế, cảng biển, cảng hàng không dân dụng quốc tế thì áp dụng định mức như đối với người xuất cảnh, nhập cảnh.

4. Đối tượng quy định tại điểm a, điểm b khoản 5 Điều 5 Nghị định này được mua hàng miễn thuế phục vụ cho nhu cầu cá nhân, nhu cầu sinh hoạt chung của thuyền viên trên tàu biển chạy tuyến quốc tế trong thời gian tàu biển neo đậu tại cảng biển Việt Nam, định mức mỗi thuyền viên trong một lần tàu neo đậu tại cảng biển Việt Nam như sau:

a) Rượu từ 20 độ trở lên: 1,5 lít hoặc rượu dưới 20 độ: 2,0 lít hoặc đồ uống có cồn, bia: 3,0 lít.

Đối với rượu nguyên chai, bình, lọ, can (sau đây viết tắt là chai) có dung tích lớn hơn dung tích quy định định mức tại điểm a khoản 4 Điều này nhưng không vượt quá 01 lít thì được miễn thuế cả chai. Trường hợp vượt quá 01 lít thì phần vượt định mức phải nộp thuế theo quy định của pháp luật;

b) Thuốc lá điều: 200 điều hoặc thuốc lá sợi: 250 gam hoặc xì gà: 20 điều.

5. Đối tượng quy định tại điểm c khoản 5 Điều 5 Nghị định này được mua hàng miễn thuế không hạn chế về số lượng và trị giá để sử dụng trên tàu ngoài lãnh hải Việt Nam sau khi tàu xuất cảnh.

Chương II

THỦ TỤC HẢI QUAN, KIỂM TRA, GIÁM SÁT HẢI QUAN ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HÀNG MIỄN THUẾ

Điều 7. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa đưa vào bán tại cửa hàng miễn thuế

1. Đối với hàng hóa tạm nhập khẩu từ nước ngoài, khu phi thuế quan và kho ngoại quan: Doanh nghiệp thực hiện thủ tục tạm nhập khẩu theo quy định tại Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan và Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP.

2. Đối với hàng hóa từ nội địa đưa vào cửa hàng miễn thuế, kho hàng miễn thuế: Doanh nghiệp gửi danh sách hàng hóa đưa vào/đưa ra cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế theo các chỉ tiêu thông tin tại Mẫu số 08a, Mẫu số 08b, Mẫu số 08c Phụ lục II Nghị định này đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan. Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế thực hiện phê duyệt hoặc không phê duyệt kèm lý do không phê duyệt cho doanh nghiệp thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan trong vòng 02 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận thông tin. Sau khi nhận được phản hồi của hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan, doanh nghiệp đưa hàng hóa vào cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế. Khi doanh nghiệp đưa hàng hóa vào cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế, Hải quan kiểm tra đối chiếu thực tế hàng hóa với danh sách hàng hóa của doanh nghiệp thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan để xác nhận thực tế hàng hóa đưa vào cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế.

Trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan gặp sự cố, doanh nghiệp thông báo bằng văn bản về việc đưa hàng hóa vào kho chứa hàng miễn thuế, cửa hàng miễn thuế theo Mẫu số 08/DSHH Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này và gửi dữ liệu lên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan trong vòng 24 giờ kể từ khi sự cố hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan được khắc phục.

Trường hợp có nghi ngờ về danh sách hàng hóa, trong vòng 02 giờ làm việc kể từ khi hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan phản hồi, Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế thực hiện kiểm tra, đối chiếu thông tin trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan với thực tế hàng hóa đưa vào cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế của doanh nghiệp. Trường hợp có dấu hiệu vi phạm, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan ban hành Quyết định kiểm tra thực tế lượng hàng tồn của cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế. Việc tổ chức thực hiện kiểm tra chậm nhất trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày ký quyết định.

Trường hợp phức tạp, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan ban hành quyết định gia hạn thời hạn kiểm tra nhưng không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra ghi trên quyết định kiểm tra.

Nội dung kiểm tra và kết quả kiểm tra được ghi nhận bằng biên bản kiểm tra theo Mẫu số 11/BBKT Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này.

Cơ quan hải quan thực hiện xác nhận thực tế hàng hóa đưa vào cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế theo kết quả kiểm tra thực tế thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

Điều 8. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa luân chuyển giữa kho chứa hàng miễn thuế, cửa hàng miễn thuế

1. Trường hợp luân chuyển hàng hóa giữa các kho chứa hàng miễn thuế, giữa các cửa hàng miễn thuế, giữa kho chứa hàng miễn thuế và cửa hàng miễn thuế đặt liền kề, doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế tự chịu trách nhiệm theo dõi, quản lý.

2. Trường hợp luân chuyển hàng hóa giữa các kho chứa hàng miễn thuế, giữa các cửa hàng miễn thuế, giữa kho chứa hàng miễn thuế và cửa hàng miễn thuế đặt tại vị trí khác nhau nhưng cùng nằm trong khu vực cách ly, khu vực hạn chế

a) Doanh nghiệp có trách nhiệm gửi danh sách hàng hóa luân chuyển giữa kho chứa hàng miễn thuế, cửa hàng miễn thuế theo Mẫu số 11 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan trước khi vận chuyển hàng hóa.

Trong trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan gặp sự cố, doanh nghiệp thông báo bằng văn bản về việc vận chuyển hàng hóa với cơ quan hải quan và gửi dữ liệu đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan trong vòng 24 giờ kể từ khi sự cố hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan được khắc phục;

b) Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế thực hiện phê duyệt hoặc không phê duyệt kèm lý do không phê duyệt thông tin luân chuyển hàng hóa cho doanh nghiệp thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan trong vòng 02 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận thông tin.

Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế có trách nhiệm kiểm tra thực tế hàng hóa được vận chuyển trên cơ sở áp dụng quản lý rủi ro hoặc có dấu hiệu vi phạm pháp luật và phê duyệt văn bản thông báo của doanh nghiệp về việc vận chuyển trong trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan gặp sự cố;

c) Ngay sau khi hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan được khắc phục, Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế có trách nhiệm thông báo (bằng văn bản, email, điện thoại, fax,...) với doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế biết.

3. Trường hợp luân chuyển hàng hóa giữa các kho chứa hàng miễn thuế, giữa các cửa hàng miễn thuế, giữa kho chứa hàng miễn thuế và cửa hàng miễn thuế đặt tại vị trí khác nhau và nằm ngoài khu vực cách ly, khu vực hạn chế chịu sự quản lý của cùng một đơn vị hải quan

a) Doanh nghiệp có trách nhiệm gửi danh sách hàng hóa luân chuyển giữa kho chứa hàng miễn thuế, cửa hàng miễn thuế theo Mẫu số 11 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan trước khi vận chuyển hàng hóa. Trong trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan gặp sự cố, doanh nghiệp thực hiện thông báo bằng văn bản về việc vận chuyển và chỉ được vận chuyển hàng hóa sau khi được cơ quan hải quan phê duyệt. Trong vòng 24 giờ kể từ khi sự cố được khắc phục doanh nghiệp phải gửi dữ liệu đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan. Doanh nghiệp chịu trách nhiệm vận chuyển hàng hóa đến đúng địa điểm đăng ký vận chuyển đến;

b) Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế có trách nhiệm giám sát hàng hóa xếp lên phương tiện để vận chuyển giữa kho chứa hàng miễn thuế, cửa hàng miễn thuế; thực hiện phê duyệt vận chuyển hàng hóa trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan hoặc văn bản do doanh nghiệp xuất trình ngay sau khi niêm phong hàng hóa. Niêm phong hàng hóa trước khi vận chuyển, ghi rõ số niêm phong hải quan trên bản giấy của doanh nghiệp. Khi hàng hóa vận chuyển đến địa điểm, Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế kiểm tra niêm phong, xác nhận trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan hoặc văn bản do doanh nghiệp xuất trình, thực hiện giám sát hàng hóa nhập vào kho chứa hàng miễn thuế hoặc cửa hàng miễn thuế;

c) Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế thực hiện các công việc quy định tại điểm c khoản 2 Điều này.

4. Trường hợp luân chuyển hàng hóa giữa các kho chứa hàng miễn thuế, giữa các cửa hàng miễn thuế, giữa kho chứa hàng miễn thuế và cửa hàng miễn thuế của một doanh nghiệp có nhiều cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế tại nhiều địa điểm khác nhau chịu sự quản lý của các đơn vị hải quan khác nhau

a) Doanh nghiệp có trách nhiệm gửi danh sách hàng hóa luân chuyển giữa kho chứa hàng miễn thuế, cửa hàng miễn thuế theo Mẫu số 11 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan trước khi vận chuyển hàng hóa đến cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế thuộc quản lý của đơn vị Hải quan khác.

Trong trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan gặp sự cố, doanh nghiệp gửi văn bản về việc vận chuyển tới cơ quan hải quan và chỉ được vận chuyển hàng hóa sau khi được cơ quan hải quan phê duyệt. Trong vòng 24 giờ kể từ khi sự cố được khắc phục doanh nghiệp phải gửi dữ liệu đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

Doanh nghiệp chịu trách nhiệm vận chuyển nguyên trạng hàng hóa đến các địa điểm đặt cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế theo đúng thông tin đã gửi tới hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan hoặc văn bản về việc vận chuyển.

b) Hải quan nơi hàng hóa chuyển đi thực hiện:

Giám sát hàng hóa xếp lên phương tiện vận chuyển, niêm phong hải quan;

Căn cứ thông tin doanh nghiệp đã gửi tới hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan, thực hiện lập biên bản bàn giao hàng hóa miễn thuế vận chuyển chịu sự giám sát hải quan thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan theo Mẫu số 04 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan gặp sự cố, Hải quan nơi hàng hóa chuyển đi căn cứ văn bản về việc vận chuyển (bản giấy) doanh nghiệp xuất trình, thực hiện lập biên bản bàn giao hàng hóa miễn thuế vận chuyển chịu sự giám sát hải quan theo Mẫu số 04/BBBG Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này, giao cho doanh nghiệp để chuyển đến Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế nơi hàng hóa được vận chuyển đến;

Theo dõi thông tin về hàng hóa được vận chuyển đi, chủ trì truy tìm trong trường hợp quá thời hạn vận chuyển nhưng hàng hóa chưa đến địa điểm được vận chuyển đến;

Theo dõi việc luân chuyển hàng hóa giữa các cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

c) Hải quan nơi hàng hóa chuyển đến thực hiện:

Căn cứ biên bản bàn giao do Hải quan nơi hàng hóa chuyển đi lập, thực hiện giám sát hàng hóa đưa từ phương tiện vận chuyển vào kho chứa hàng miễn thuế, cửa hàng miễn thuế;

Xác nhận trên Hệ thống biên bản bàn giao hoặc xác nhận trên bản giấy của doanh nghiệp xuất trình và giao cho doanh nghiệp lưu trong trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan gặp sự cố;

Theo dõi thông tin về hàng hóa vận chuyển, phối hợp với Hải quan nơi hàng hóa được vận chuyển đi để truy tìm trong trường hợp quá thời hạn vận chuyển nhưng hàng chưa đến địa điểm được vận chuyển đến;

Theo dõi việc luân chuyển hàng hóa giữa các cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

Điều 9. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa luân chuyển giữa kho chứa hàng miễn thuế với tàu bay để bán hàng miễn thuế trên các chuyến bay quốc tế đi và đến Việt Nam

1. Trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế

a) Trường hợp kho chứa hàng miễn thuế nằm trong khu cách ly

Doanh nghiệp gửi thông tin về phiếu giao nhận hàng hóa theo Mẫu số 06a, Mẫu số 06b và bảng kê lượng tiền mặt theo Mẫu số 07 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan trước khi vận chuyển hàng hóa từ kho chứa hàng miễn thuế lên tàu bay và trong vòng 24 giờ sau khi hàng hóa được vận chuyển từ tàu bay về kho chứa hàng miễn thuế.

Trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan gặp sự cố, doanh nghiệp gửi phiếu giao nhận hàng hóa theo Mẫu số 06/PGHKVTB và bảng kê lượng tiền mặt theo Mẫu số 07/BKTMKVTB Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này tới cơ quan hải quan và gửi dữ liệu đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan trong vòng 24 giờ kể từ khi sự cố hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan được khắc phục.

b) Trường hợp kho chứa hàng miễn thuế không nằm trong khu cách ly

Khi đưa tiền mặt, hàng hóa từ kho chứa hàng miễn thuế lên tàu bay: Doanh nghiệp có trách nhiệm gửi thông tin về phiếu giao nhận hàng hóa theo Mẫu số 06a và bảng kê lượng tiền mặt theo Mẫu số 07 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan. Doanh nghiệp chỉ được vận chuyển hàng hóa sau khi được cơ quan hải quan phê duyệt trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

Trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan gặp sự cố, doanh nghiệp gửi phiếu giao nhận hàng hóa theo Mẫu số 06/PGHKVTB và bảng kê lượng tiền mặt theo Mẫu số 07/BKTMKVTB Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này đến cơ quan hải quan và gửi dữ liệu đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan trong vòng 24 giờ kể từ khi sự cố hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan được khắc phục. Doanh nghiệp chỉ được vận chuyển hàng hóa sau khi được cơ quan hải quan phê duyệt Mẫu số 06/PGHKVTB, Mẫu số 07/BKTMKVTB do doanh nghiệp xuất trình.

Đối với hàng hóa bán không hết thu hồi từ các chuyến bay quốc tế: Doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế thực hiện niêm phong phương tiện vận chuyển hàng miễn thuế trước khi đưa phương tiện chứa hàng miễn thuế ra khỏi tàu bay. Doanh nghiệp chịu trách nhiệm vận chuyển hàng miễn thuế từ tàu bay về kho hàng miễn thuế. Trong vòng 24 giờ kể từ khi tàu bay đỗ tại vị trí chỉ định theo quy định, doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế thực hiện gửi thông tin về hàng hóa bán không hết thu hồi từ các chuyến bay quốc tế theo Mẫu số 06b và bảng kê lượng tiền mặt theo Mẫu số 07 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

Trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan gặp sự cố, doanh nghiệp gửi phiếu giao nhận hàng hóa theo Mẫu số 06/PGHKVTB và bảng kê lượng tiền mặt theo Mẫu số 07/BKTMKVTB Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này đến cơ quan hải quan và gửi dữ liệu đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan trong vòng 24 giờ kể từ khi sự cố hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan được khắc phục.

2. Trách nhiệm của Hải quan quản lý kho chứa hàng miễn thuế

a) Trường hợp kho chứa hàng miễn thuế nằm trong khu cách ly

Hải quan quản lý kho chứa hàng miễn thuế có trách nhiệm kiểm tra thực tế hàng hóa được vận chuyển trên cơ sở áp dụng quản lý rủi ro hoặc có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

Trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan gặp sự cố, Hải quan quản lý kho chứa hàng miễn thuế, thực hiện phê duyệt Mẫu số 06/PGHKVTB và Mẫu số 07/BKTMKVTB Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này trong vòng 02 giờ làm việc kể từ khi nhận được văn bản của doanh nghiệp. Ngay sau khi hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan được khắc phục, Hải quan quản lý kho chứa hàng miễn thuế có trách nhiệm thông báo (bằng văn bản, email, điện thoại, fax, ...) với doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế về việc hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan được khắc phục.

b) Trường hợp kho chứa hàng miễn thuế không nằm trong khu cách ly

Khi đưa tiền mặt, hàng hóa từ kho chứa hàng miễn thuế lên tàu bay: Hải quan quản lý kho chứa hàng miễn thuế thực hiện giám sát hàng hóa xếp lên phương tiện chứa hàng miễn thuế, niêm phong hải quan và phê duyệt Mẫu số 06a, Mẫu số 07 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan ngay sau khi doanh nghiệp gửi đến hoặc Mẫu số 06/PGHKVTB và Mẫu số 07/BKTMKVTB Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này ngay sau khi doanh nghiệp xuất trình.

Đối với hàng hóa bán không hết thu hồi từ các chuyến bay quốc tế: Hải quan quản lý kho chứa hàng miễn thuế thực hiện giám sát phương tiện chứa hàng miễn thuế không hết thu hồi từ các chuyến bay quốc tế được chuyển vào kho, kiểm tra niêm phong trên các phương tiện chứa hàng miễn thuế. Xác nhận Mẫu số 06b, Mẫu số 07 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan hoặc Mẫu số 06/PGHKVTB, Mẫu số 07/BKTMKVTB Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này do doanh nghiệp xuất trình.

Đội trưởng Hải quan quản lý kho chứa hàng miễn thuế quyết định kiểm tra thực tế hàng hóa được vận chuyển từ kho hàng miễn thuế đến khu cách ly trên cơ sở áp dụng quản lý rủi ro hoặc có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

3. Trách nhiệm của Hải quan cửa khẩu sân bay quốc tế nơi tàu bay xuất cảnh trong trường hợp kho chứa hàng miễn thuế không nằm trong khu cách ly

a) Thực hiện đối chiếu niêm phong hải quan khi phương tiện chứa hàng miễn thuế đưa vào khu cách ly.

b) Kiểm tra thực tế hàng hóa được vận chuyển trong khu cách ly trên cơ sở áp dụng quản lý rủi ro hoặc có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

Điều 10. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa luân chuyển giữa các kho chứa hàng miễn thuế của một doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế với tàu bay để bán hàng trên các chuyến bay quốc tế đi và đến Việt Nam trong trường hợp tàu bay nhập cảnh tại sân bay quốc tế khác với sân bay quốc tế tàu bay xuất cảnh

1. Trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế

Thực hiện trách nhiệm quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định này và thực hiện thêm các công việc sau:

a) Gửi thông tin về phiếu giao nhận hàng hóa theo Mẫu số 06b Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan ngay sau khi hàng hóa được nhập vào kho chứa hàng miễn thuế tại sân bay quốc tế nơi tàu bay nhập cảnh hoặc hàng hóa được đưa thẳng từ tàu bay nhập cảnh đến kho chứa hàng miễn thuế nơi tàu bay xuất cảnh.

Trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan gặp sự cố, doanh nghiệp gửi phiếu giao nhận hàng hóa theo Mẫu số 06/PGHKVTB Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này đến cơ quan hải quan và gửi dữ liệu đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan trong vòng 24 giờ kể từ khi sự cố hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan được khắc phục.

b) Thực hiện lưu giữ phương tiện chứa hàng miễn thuế trong kho chứa hàng miễn thuế của doanh nghiệp tại khu vực riêng ở sân bay nhập cảnh có camera giám sát, đảm bảo phân biệt được với hàng hóa, phương tiện chứa hàng miễn thuế khác trong kho chứa hàng miễn thuế đối với trường hợp hàng hóa được đưa vào kho chứa hàng miễn thuế của doanh nghiệp tại sân bay quốc tế nơi tàu bay nhập cảnh;

c) Thực hiện vận chuyển hàng hóa từ tàu bay nhập cảnh đến kho chứa hàng miễn thuế tại sân bay nơi tàu bay xuất cảnh theo đúng thời gian ghi trên biên bản bàn giao quy định tại điểm c khoản 3 Điều này.

2. Trách nhiệm của Hải quan cửa khẩu sân bay quốc tế nơi tàu bay xuất cảnh

a) Thực hiện quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 9 Nghị định này khi phương tiện chứa hàng miễn thuế được vận chuyển từ kho chứa hàng miễn thuế lên tàu bay.

b) Căn cứ biên bản bàn giao quy định tại điểm c khoản 3 Điều này, thực hiện giám sát phương tiện chứa hàng miễn thuế đưa từ phương tiện vận chuyển vào kho chứa hàng miễn thuế tại sân bay xuất cảnh; xác nhận trên Mẫu số 04 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan hoặc ký tên, đóng dấu công chức hải quan, ghi rõ ngày, tháng, năm xác nhận trên biên bản bàn giao do doanh nghiệp xuất trình và trả lại doanh nghiệp; cập nhật thông tin hàng hóa vận chuyển đến trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

c) Theo dõi thông tin về quá trình vận chuyển của phương tiện chứa hàng miễn thuế, phối hợp với Hải quan cửa khẩu sân bay quốc tế nơi tàu bay nhập cảnh để xác minh trong trường hợp quá thời gian ghi trên biên bản bàn giao quy định tại điểm c khoản 3 Điều này nhưng phương tiện chứa hàng miễn thuế chưa được vận chuyển đến sân bay quốc tế nơi tàu bay xuất cảnh.

3. Trách nhiệm của Hải quan cửa khẩu sân bay quốc tế nơi tàu bay nhập cảnh

a) Căn cứ thông tin về phiếu giao nhận hàng hóa theo Mẫu số 06b Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này do doanh nghiệp gửi trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan quy định tại điểm a khoản 1 Điều này để thực hiện giám sát phương tiện chứa hàng miễn thuế từ tàu bay nhập cảnh đến kho chứa hàng miễn thuế tại sân bay nhập cảnh đối với trường hợp hàng hóa được đưa vào kho chứa hàng miễn thuế tại sân bay quốc tế nơi tàu bay nhập cảnh;

b) Thực hiện xác nhận lượng tiền mặt mang xuống tàu bay trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan ngay sau khi doanh nghiệp gửi đến;

c) Căn cứ thông tin về phiếu giao nhận hàng hóa quy định tại điểm a khoản 1 Điều này thực hiện niêm phong phương tiện chứa hàng miễn thuế, lập biên bản bàn giao phương tiện chứa hàng miễn thuế thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan theo Mẫu số 04 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này, cập nhật số niêm phong vào biên bản bàn giao.

Trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan gặp sự cố, lập biên bản bàn giao phương tiện chứa hàng miễn thuế theo Mẫu số 04/BBBG Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này, giao 01 bản biên bản bàn giao cho doanh nghiệp để chuyển phương tiện chứa hàng miễn thuế đến Hải quan cửa khẩu sân bay quốc tế nơi tàu bay xuất cảnh;

d) Theo dõi thông tin về quá trình vận chuyển của phương tiện chứa hàng miễn thuế, chủ trì xác minh trong trường hợp quá thời gian ghi trên biên bản bàn giao nhưng chưa nhận được xác nhận của Hải quan cửa khẩu sân bay quốc tế nơi tàu bay xuất cảnh theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

Điều 11. Thủ tục bán hàng miễn thuế cho đối tượng mua là người chờ xuất cảnh mua hàng tại cửa hàng miễn thuế trong nội địa, người xuất cảnh, quá cảnh, hành khách trên tàu bay xuất cảnh, hành khách đang thực hiện chuyến bay quốc tế đến Việt Nam, người nhập cảnh tại cửa khẩu sân bay quốc tế, thuyền viên mua hàng miễn thuế phục vụ nhu cầu cá nhân trong thời gian tàu neo đậu tại cảng biển Việt Nam

1. Trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế, nhân viên bán hàng

a) Yêu cầu người mua hàng xuất trình hộ chiếu hoặc các loại giấy tờ đi lại sau: Giấy thông hành trong trường hợp đối tượng mua là người chờ xuất cảnh mua hàng tại cửa hàng miễn thuế trong nội địa hoặc khách xuất cảnh, quá cảnh tại khu cách ly hoặc người nhập cảnh tại cửa khẩu sân bay quốc tế; Giấy phép đi bờ của thuyền viên trong trường hợp đối tượng mua là thuyền viên phục vụ nhu cầu cá nhân trong thời gian tàu neo đậu tại cảng biển Việt Nam.

Trường hợp đối tượng mua là hành khách đang thực hiện chuyến bay quốc tế đến Việt Nam, nhân viên bán hàng yêu cầu người mua hàng xuất trình hộ chiếu và thẻ lên tàu bay.

b) Kiểm tra định mức mua hàng miễn thuế

Nhân viên bán hàng kiểm tra thông tin trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan về định mức mua hàng miễn thuế đối với đối tượng mua là người nhập cảnh tại cửa khẩu sân bay quốc tế, hành khách đang thực hiện chuyến

bay quốc tế đến Việt Nam theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định này, thuyền viên phục vụ nhu cầu cá nhân trong thời gian tàu neo đậu tại cảng biển Việt Nam theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định này.

c) Nhân viên bán hàng ghi nhận đầy đủ các thông tin về người mua hàng, thông tin chuyến bay hoặc phương tiện di chuyển, thông tin về hàng hóa theo các chỉ tiêu thông tin tại Mẫu số 12 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

d) Gửi thông tin quy định tại điểm c khoản này đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

Trường hợp bán hàng miễn thuế cho đối tượng mua là người xuất cảnh, quá cảnh, người nhập cảnh tại cửa khẩu sân bay quốc tế, thuyền viên làm việc trên tàu biển chạy tuyến quốc tế: doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế phải gửi đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan thông tin quy định tại điểm c khoản này ngay sau khi bán hàng miễn thuế.

Trường hợp bán hàng miễn thuế trên máy bay: trong vòng 24 giờ kể từ khi tàu bay đỗ tại vị trí chỉ định theo quy định (khi tàu bay thực hiện chuyến bay về Việt Nam), doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế phải kê khai trên phần mềm của doanh nghiệp và gửi đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan thông tin quy định tại điểm c khoản này.

Trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan gặp sự cố, trong vòng 24 giờ kể từ khi hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan được khắc phục, doanh nghiệp thực hiện gửi thông tin đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

đ) Xuất hóa đơn bán hàng (bao gồm cả hàng tặng kèm sản phẩm, nếu có) và lưu trữ hóa đơn bán hàng theo quy định của pháp luật hiện hành về hóa đơn.

e) Trường hợp đối tượng mua là người chờ xuất cảnh mua hàng tại cửa hàng miễn thuế trong nội địa:

Gửi Phiếu giao hàng theo Mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan (trừ trường hợp giao hàng ở nước ngoài theo yêu cầu của khách). Trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan gặp sự cố thì lập 02 liên Phiếu giao hàng theo Mẫu số 02/PGH Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này và gửi dữ liệu lên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan trong vòng 24 giờ kể từ khi sự cố hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan được khắc phục.

Chịu trách nhiệm vận chuyển và xuất trình hàng hóa với hải quan cửa khẩu nơi người mua hàng xuất cảnh để bàn giao hàng hóa cho người mua hàng tại quầy nhận hàng trong khu cách ly cửa khẩu xuất cảnh. Trường hợp

hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan gặp sự cố, doanh nghiệp xuất trình hàng hóa và 02 liên Phiếu giao hàng theo Mẫu số 02/PGH Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này với hải quan cửa khẩu nơi người mua hàng xuất cảnh.

Trường hợp Phiếu giao hàng không có xác nhận của hải quan cửa khẩu khi Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế kiểm tra thì doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế có trách nhiệm nộp đủ thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước (nếu có) theo quy định như đối với hàng hóa nhập khẩu theo quy định hiện hành đối với số hàng đã bán.

Trường hợp người mua hàng không đến nhận hàng tại quầy nhận hàng, doanh nghiệp thực hiện gửi thông tin hủy Phiếu giao hàng theo Mẫu số 13 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan. Trong trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan gặp sự cố, doanh nghiệp thông báo bằng văn bản về việc hủy Phiếu giao hàng với cơ quan hải quan và gửi dữ liệu đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan trong vòng 24 giờ kể từ khi sự cố hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan được khắc phục. Sau khi được cơ quan hải quan phê duyệt, doanh nghiệp chịu trách nhiệm vận chuyển hàng hóa về cửa hàng miễn thuế, kho hàng miễn thuế nơi hàng hóa đã xuất đi.

Trường hợp doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế có nhiều cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế tại nhiều địa điểm khác nhau, khi thực hiện bán hàng cho khách chờ xuất cảnh tại cửa hàng miễn thuế trong nội địa, doanh nghiệp được xuất hàng hóa cho khách từ cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế của doanh nghiệp thuộc quản lý của Hải quan cửa khẩu nơi người mua hàng xuất cảnh.

g) Trường hợp đối tượng mua là người nhập cảnh tại sân bay quốc tế và hành khách đang thực hiện chuyến bay quốc tế đến Việt Nam mua hàng miễn thuế vượt định mức miễn thuế theo quy định

Doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế gửi thông tin theo Mẫu số 01 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan. Trong trường hợp hệ thống gặp sự cố, doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế gửi 02 Phiếu thông báo theo Mẫu số 01/PTBHVĐM Phụ lục III ban hành kèm Nghị định này cho cơ quan hải quan tại cửa khẩu nhập. Nhận lại và lưu 01 Phiếu thông báo đã ký tên, đóng dấu công chức của công chức hải quan tại cửa khẩu nhập.

Riêng mặt hàng thuốc lá không được bán vượt định mức miễn thuế.

2. Trách nhiệm của Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế

a) Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế thực hiện quy định tại điểm c khoản 2 Điều 8 Nghị định này;

b) Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế thực hiện kiểm tra việc bán hàng miễn thuế thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan, ca-mê-ra giám sát hoặc kiểm tra trực tiếp tại cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế trên cơ sở áp dụng quản lý rủi ro hoặc trường hợp phát hiện dấu hiệu vi phạm pháp luật;

c) Theo dõi phản hồi về Phiếu giao hàng đã được cơ quan hải quan xác nhận quy định tại khoản 3 Điều này;

d) Thu thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước (nếu có) theo quy định, lưu bản chụp các chứng từ quy định tại khoản 2 Điều 20 đối với các trường hợp quy định tại điểm h khoản 1 Điều này;

đ) Trong trường hợp doanh nghiệp hủy Phiếu giao hàng quy định tại điểm g khoản 1 Điều này, Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế có trách nhiệm kiểm tra niêm phong quy định tại điểm c khoản 3 Điều này, thực hiện giám sát hàng hóa nhập vào kho chứa hàng miễn thuế hoặc cửa hàng miễn thuế.

3. Trách nhiệm của Hải quan cửa khẩu xuất nơi người mua hàng xuất cảnh trong trường hợp mua hàng tại cửa hàng miễn thuế trong nội địa

a) Kiểm tra đối chiếu thực tế hàng hóa với nội dung kê khai trên Phiếu giao hàng;

b) Xác nhận Mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan do doanh nghiệp gửi;

Trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan gặp sự cố, xác nhận, ký tên và đóng dấu công chức trên 02 Phiếu giao hàng theo Mẫu số 02/PGH Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này do doanh nghiệp xuất trình, giao 01 liên Phiếu giao hàng cho doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế lưu và lưu 01 liên. Sau khi doanh nghiệp truyền dữ liệu về số phiếu giao hàng đã được xác nhận trên bản giấy, thực hiện xác nhận trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan;

c) Niêm phong hàng hóa trước khi vận chuyển. Thực hiện cập nhật số niêm phong và phê duyệt thông tin hủy theo Mẫu số 13 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan ngay sau khi niêm phong hàng hóa hoặc ghi rõ số niêm phong và phê duyệt văn bản do doanh nghiệp xuất trình.

Điều 12. Thủ tục bán hàng miễn thuế cho tổ chức, cá nhân được hưởng quyền ưu đãi miễn trừ mua hàng tại cửa hàng miễn thuế trong nội địa

1. Trách nhiệm của nhân viên bán hàng

a) Yêu cầu người mua hàng xuất trình Sổ định mức miễn thuế của tổ chức hoặc Sổ định mức miễn thuế của cá nhân kèm chứng minh thư do Bộ Ngoại giao cấp khi mua hàng miễn thuế trong nội địa trừ trường hợp Sổ định mức miễn thuế đã được cơ quan có thẩm quyền cấp cập nhật thông tin vào cổng thông tin một cửa quốc gia;

b) Nhập thông tin về định lượng hàng hóa tại Sổ định mức miễn thuế do người mua hàng xuất trình hoặc dữ liệu về Sổ định mức từ cổng thông tin một cửa quốc gia đã được cơ quan có thẩm quyền cập nhật (đối với trường hợp sử dụng Sổ lần đầu) theo Mẫu số 14 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này và gửi đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan;

c) Xuất trình bản chính Sổ định mức mua hàng miễn thuế cho cơ quan hải quan để xác nhận định mức mua hàng miễn thuế trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan đối với trường hợp xuất trình Sổ quy định tại điểm a khoản này;

d) Gửi thông tin bán hàng theo Mẫu số 12 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

Trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan gặp sự cố, trong vòng 24 giờ kể từ khi hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan được khắc phục, doanh nghiệp thực hiện gửi thông tin đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan;

đ) Xuất hóa đơn bán hàng (bao gồm cả hàng tặng kèm sản phẩm, nếu có) theo quy định;

e) Cắt ô tem tương ứng mặt hàng đã bán trên Sổ định mức hàng miễn thuế và lưu ô tem tương ứng theo từng hóa đơn bán hàng;

g) Lưu hóa đơn bán hàng theo quy định hiện hành về hóa đơn.

2. Trách nhiệm của Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế

a) Đối với người mua hàng lần đầu tiên mua hàng miễn thuế theo Sổ định mức mua hàng miễn thuế, cơ quan hải quan kiểm tra bản chính Sổ định mức mua hàng miễn thuế hoặc kiểm tra trên cổng thông tin một cửa quốc gia về định lượng mua hàng miễn thuế, xác nhận trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan lượng hàng miễn thuế được phép mua của người mua hàng để hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan trừ lùi định mức mua hàng miễn thuế;

b) Trên cơ sở quản lý rủi ro và dấu hiệu vi phạm pháp luật, Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế thực hiện kiểm tra việc bán hàng miễn thuế thông qua hệ thống phần mềm của doanh nghiệp, hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan, ca-mê-ra giám sát hoặc kiểm tra trực tiếp hàng hóa tại cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế;

c) Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế thực hiện quy định tại điểm c khoản 2 Điều 8 Nghị định này.

Điều 13. Thủ tục bán hàng miễn thuế cho đối tượng mua là thuyền viên làm việc trên tàu biển chạy tuyến quốc tế

1. Trường hợp mua hàng miễn thuế phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt chung của thuyền viên làm việc trên tàu biển chạy tuyến quốc tế trong thời gian tàu neo đậu tại cảng biển Việt Nam để chờ xuất cảnh. Nhân viên bán hàng có trách nhiệm:

- a) Yêu cầu người mua hàng xuất trình hộ chiếu;
- b) Kiểm tra thông tin trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan để bán hàng trong định lượng quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định này;
- c) Gửi thông tin bán hàng theo Mẫu số 12 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

Trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan gặp sự cố, trong vòng 24 giờ kể từ khi hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan được khắc phục, doanh nghiệp thực hiện gửi thông tin đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan;

d) Thực hiện xuất hóa đơn bán hàng (bao gồm cả hàng tặng kèm sản phẩm, nếu có), trên hóa đơn đầy đủ các thông tin họ tên, số hộ chiếu, quốc tịch của thuyền trưởng/người đại diện tàu, số hiệu tàu, ngày tàu nhập cảnh;

đ) Lưu hóa đơn bán hàng theo quy định hiện hành về hóa đơn.

2. Trường hợp mua hàng miễn thuế phục vụ nhu cầu của thuyền viên làm việc trên tàu biển chạy tuyến quốc tế phục vụ cho hành trình tiếp theo ngoài lãnh hải Việt Nam. Trách nhiệm của nhân viên bán hàng:

- a) Yêu cầu người mua hàng xuất trình hộ chiếu;
- b) Gửi thông tin bán hàng theo Mẫu số 12 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

Trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan gặp sự cố, trong vòng 24 giờ kể từ khi hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan được khắc phục, doanh nghiệp thực hiện gửi thông tin đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan;

- c) Thực hiện xuất hóa đơn bán hàng theo quy định;
- d) Chịu trách nhiệm vận chuyển hàng hóa vào kho của tàu;

đ) Lưu hóa đơn bán hàng có chữ ký của người mua hàng hoặc thuyền trưởng hoặc người đại diện tàu và xác nhận của công chức hải quan nơi thực hiện thủ tục xuất cảnh tàu, đơn đặt hàng và danh sách thuyền viên.

3. Trách nhiệm của Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế

a) Giám sát hàng hóa từ cửa hàng miễn thuế đến khi hàng hóa chịu sự giám sát của cơ quan hải quan nơi tàu xuất cảnh;

b) Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế thực hiện quy định tại điểm c khoản 2 Điều 8 Nghị định này.

4. Trách nhiệm của Hải quan nơi thực hiện thủ tục xuất cảnh tàu: Thực hiện niêm phong kho của tàu chứa hàng miễn thuế, xác nhận hàng qua khu vực giám sát (ký tên, đóng dấu công chức hải quan trên hóa đơn bán hàng) và giám sát cho đến khi tàu xuất cảnh.

Điều 14. Thủ tục bán hàng miễn thuế trực tuyến

1. Trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế

Ngoài các trách nhiệm khi bán hàng cho từng đối tượng quy định tại Điều 11, Điều 12, Điều 13 Nghị định này, doanh nghiệp thực hiện:

a) Gửi thông tin bán hàng theo Mẫu số 12 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan ngay sau khi chấp nhận đơn hàng và hoàn tất thủ tục thanh toán.

Trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan gặp sự cố, trong vòng 24 giờ kể từ khi hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan được khắc phục, doanh nghiệp thực hiện gửi thông tin đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan;

b) Khi giao hàng cho khách mua hàng, kiểm tra đối chiếu thông tin mà khách đã kê khai khi mua hàng trực tuyến với thông tin trên các giấy tờ liên quan đến khách mua hàng theo quy định đối với từng đối tượng.

2. Trách nhiệm của Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế và Hải quan cửa khẩu nơi người mua hàng xuất cảnh, nhập cảnh: Thực hiện theo quy định tại Điều 11, Điều 12, Điều 13 Nghị định này tương ứng với từng đối tượng mua hàng miễn thuế.

Điều 15. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa đã bán cho khách xuất cảnh nhưng giao ở nước ngoài theo yêu cầu của khách

1. Địa điểm làm thủ tục hải quan: Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho hàng miễn thuế sau khi khách mua hàng đã thực xuất cảnh.

2. Thủ tục hải quan: Thực hiện thủ tục xuất khẩu (tái xuất đối với hàng hóa do doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế tạm nhập từ nước ngoài, xuất khẩu đối với hàng hóa do doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế mua từ nội địa để đưa vào bán tại cửa hàng miễn thuế) theo quy định tại Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan và Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP. Khi làm thủ tục xuất khẩu, ngoài hồ sơ hải quan theo quy định, doanh nghiệp phải gửi bảng kê hàng hóa đã bán cho khách xuất cảnh theo Mẫu số 09 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan hoặc Mẫu số 09/BKHH Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này trong trường hợp hệ thống gặp sự cố và 01 bản chụp hộ chiếu hoặc giấy thông hành (trang đầu và trang có đóng dấu xuất cảnh của cơ quan xuất nhập cảnh).

3. Trường hợp cơ quan hải quan có đủ cơ sở xác định khách mua hàng miễn thuế không thực xuất cảnh, doanh nghiệp bị xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Thủ tục đối với hàng hóa đưa vào bán tại cửa hàng miễn thuế thay đổi mục đích sử dụng, chuyển tiêu thụ nội địa, tái xuất

1. Thủ tục thay đổi mục đích sử dụng, chuyển tiêu thụ nội địa, tái xuất: thực hiện thủ tục theo quy định tại Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan, Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Chính sách quản lý hàng hóa, chính sách thuế đối với hàng hóa thay đổi mục đích sử dụng, chuyển tiêu thụ nội địa thực hiện tại thời điểm đăng ký tờ khai hải quan thay đổi mục đích sử dụng, chuyển tiêu thụ nội địa.

Riêng mặt hàng thuốc lá không được phép thay đổi mục đích sử dụng, chuyển tiêu thụ nội địa, chỉ được tái xuất qua cửa khẩu đường biển, cửa khẩu cảng hàng không dân dụng quốc tế.

Trước khi đưa hàng hóa ra khỏi cửa hàng miễn thuế, doanh nghiệp thực hiện hủy tem “VIET NAM DUTY NOT PAID” đã dán lên từng mặt hàng dưới sự giám sát của cơ quan hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế và lập biên bản về số tem “VIET NAM DUTY NOT PAID” đã hủy.

2. Trường hợp hàng hóa nội địa được phép lưu thông theo quy định của pháp luật Việt Nam đưa vào bán tại cửa hàng miễn thuế sau đó đưa trở lại nội địa, doanh nghiệp kinh doanh cửa hàng miễn thuế, kho hàng miễn thuế gửi

thông báo theo Mẫu số 08c Phụ lục II ban hành kèm Nghị định này đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan. Trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan gặp sự cố, doanh nghiệp xuất trình Mẫu số 08/DSHH Phụ lục III ban hành kèm Nghị định này cho Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế và gửi thông tin đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan trong vòng 24 giờ kể từ khi hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan được khắc phục.

Trước khi đưa hàng hóa ra khỏi cửa hàng miễn thuế, doanh nghiệp thực hiện hủy tem “VIET NAM DUTY NOT PAID” đã dán lên từng mặt hàng dưới sự giám sát của cơ quan hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế và lập biên bản về số tem “VIET NAM DUTY NOT PAID” đã hủy.

Điều 17. Thủ tục đối với hàng hóa tiêu hủy, hàng mẫu, hàng thử, túi, bao bì nhập khẩu để đựng hàng miễn thuế

1. Hàng hóa bị đổ vỡ, hư hỏng, mất phẩm chất, kém chất lượng, hết hạn sử dụng thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 3 Nghị định này và:

a) Khi lập biên bản về tình trạng hàng hóa đổ vỡ, hư hỏng, mất phẩm chất, kém chất lượng, doanh nghiệp phải nêu rõ lý do và các thông tin về hàng hóa: Tên hàng, mã số hàng, số lượng, trị giá. Trên cơ sở nội dung biên bản và thực tế kiểm tra hàng hóa, công chức hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế ký tên, đóng dấu công chức xác nhận đối với hàng hóa đổ vỡ, hư hỏng, mất phẩm chất, kém chất lượng;

b) Doanh nghiệp chịu trách nhiệm thực hiện tiêu hủy hàng hóa theo quy định của pháp luật hiện hành và chịu sự giám sát của cơ quan hải quan.

2. Đối với hàng mẫu, hàng dùng thử, túi, bao bì nhập khẩu để đựng hàng miễn thuế (không bao gồm hàng tặng kèm sản phẩm) thực hiện như sau:

a) Khi xuất hàng mẫu, hàng thử, túi, bao bì nhập khẩu lên cửa hàng miễn thuế, doanh nghiệp lập bảng kê theo Mẫu số 10 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này gửi đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan và nhận phản hồi từ hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

Trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan gặp sự cố, doanh nghiệp xuất trình bảng kê theo Mẫu số 10/BKHMT Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này cho Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế và gửi thông tin đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan trong vòng 24 giờ kể từ khi hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan được khắc phục;

b) Định kỳ hàng tháng (trong 07 ngày làm việc đầu tiên của tháng), tổng hợp số liệu hàng mẫu, hàng thử, túi, bao bì nhập khẩu đã sử dụng, còn tồn của tháng trước theo Mẫu số 15 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này gửi đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

Trường hợp số liệu báo cáo của doanh nghiệp không có nghi ngờ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được báo cáo, cơ quan hải quan xác nhận trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan về số liệu báo cáo.

Trường hợp cơ quan hải quan nghi ngờ về số liệu doanh nghiệp báo cáo, trong vòng 07 ngày làm việc kể từ khi nhận được báo cáo, cơ quan hải quan thực hiện kiểm tra các hồ sơ liên quan. Trong trường hợp cần thiết, cơ quan hải quan kiểm tra thực tế lượng hàng tồn của cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế theo quyết định của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan. Chi cục trưởng Chi cục Hải quan giao Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế tổ chức thực hiện kiểm tra chậm nhất trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày ký quyết định.

Đối với trường hợp phức tạp, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan ban hành quyết định gia hạn thời hạn kiểm tra nhưng không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra ghi trên quyết định kiểm tra.

Nội dung kiểm tra và kết quả kiểm tra được ghi nhận bằng biên bản kiểm tra theo Mẫu số 11/BBKT Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này. Cơ quan hải quan thực hiện xác nhận trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan về số liệu của doanh nghiệp theo kết luận kiểm tra.

Điều 18. Thủ tục đối với tiền mặt của doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế đưa vào, đưa ra khu cách ly, khu hạn chế

1. Trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế

a) Gửi dữ liệu theo Mẫu số 03 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan trước khi đưa tiền vào, tiền ra khỏi khu cách ly, khu hạn chế;

b) Thực hiện các yêu cầu của cơ quan hải quan qua phản hồi của hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan. Xuất trình tiền mặt trong trường hợp cơ quan hải quan yêu cầu.

2. Trách nhiệm của cơ quan hải quan

a) Khi nhận được thông tin khai báo của doanh nghiệp, công chức hải quan kiểm tra các nội dung khai báo trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan;

b) Giám sát tiền mặt đưa vào, ra khu cách ly, khu hạn chế;

c) Kiểm tra thực tế tiền mặt đưa vào, đưa ra khu cách ly, khu hạn chế trên cơ sở áp dụng quản lý rủi ro hoặc có dấu hiệu vi phạm pháp luật;

d) Công chức hải quan thực hiện xác nhận tiền qua khu vực giám sát trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan đối với tiền mặt đưa vào, đưa ra khu cách ly, khu hạn chế.

3. Trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan gặp sự cố

a) Doanh nghiệp có trách nhiệm kê khai trên 02 Bảng kê lượng tiền mang vào/ra khu cách ly, khu hạn chế theo Mẫu số 03/BKTMVR Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này cho công chức hải quan kiểm tra, xác nhận. Xuất trình tiền mặt trong trường hợp cơ quan hải quan yêu cầu. Đối với trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan gặp sự cố, trong thời hạn 24 giờ kể từ khi sự cố của hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan được khắc phục, doanh nghiệp gửi các thông tin trên bảng kê đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan;

b) Cơ quan hải quan có trách nhiệm giám sát việc đưa tiền mặt vào, ra khỏi khu cách ly, khu hạn chế. Kiểm tra thực tế tiền mặt trên cơ sở áp dụng quản lý rủi ro hoặc có dấu hiệu vi phạm pháp luật. Ngay sau khi hoàn thành việc kiểm tra tiền mặt (đối với trường hợp phải kiểm tra thực tế) hoặc tiền mặt qua khu vực giám sát, cơ quan hải quan thực hiện xác nhận trên 02 Bảng kê lượng tiền mang vào/ra khu cách ly, khu hạn chế doanh nghiệp xuất trình, lưu 01 bản, trả lại doanh nghiệp 01 bản.

Điều 19. Báo cáo quyết toán đối với hàng hóa đưa vào để bán tại cửa hàng miễn thuế

1. Thời hạn nộp báo cáo quyết toán đối với hàng hóa đưa vào để bán tại cửa hàng miễn thuế

a) Định kỳ hàng năm, chậm nhất là ngày thứ 90 kể từ ngày kết thúc năm tài chính, doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế nộp báo cáo quyết toán tình hình bán hàng miễn thuế trong năm tài chính cho cơ quan hải quan;

b) Doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế sau khi nộp báo cáo quyết toán được phép sửa đổi, bổ sung nội dung báo cáo trong thời gian trước khi hết thời hạn nộp báo cáo quyết toán và trước thời điểm cơ quan hải quan có thông báo về việc thực hiện kiểm tra hay không kiểm tra đối với báo cáo quyết toán.

2. Địa điểm nộp báo cáo quyết toán

Tại Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế.

3. Trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế

a) Nộp báo cáo quyết toán đối với hàng hóa đưa vào để bán tại cửa hàng miễn thuế: nộp báo cáo quyết toán theo nguyên tắc nhập - xuất - tồn kho theo Mẫu số 05 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan. Trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan gặp sự cố, doanh nghiệp xuất trình báo cáo quyết toán theo Mẫu số 05/BCQT Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này cho cơ quan hải quan.

Báo cáo quyết toán phải phù hợp với chứng từ hạch toán kế toán của doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế;

b) Cung cấp hồ sơ hải quan, chứng từ kế toán, sổ kế toán, chứng từ bán hàng, các giấy tờ khác (nếu có) để phục vụ công tác kiểm tra báo cáo quyết toán khi được cơ quan hải quan yêu cầu theo quy định.

4. Trách nhiệm của Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế: Tiếp nhận báo cáo quyết toán tình hình kinh doanh hàng miễn thuế do doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế nộp, kiểm tra báo cáo quyết toán theo quy định tại Điều này và thực hiện:

a) Đối với báo cáo quyết toán phải thực hiện kiểm tra, cơ quan hải quan phải thông báo cho doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế trong vòng 20 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo quyết toán;

b) Đối với báo cáo quyết toán không thuộc trường hợp phải kiểm tra, trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo quyết toán của doanh nghiệp, cơ quan hải quan phản hồi qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan đến doanh nghiệp về báo cáo quyết toán được chấp nhận, không thực hiện kiểm tra. Đồng thời xác nhận trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan việc doanh nghiệp hoàn thành báo cáo quyết toán.

5. Các trường hợp kiểm tra báo cáo quyết toán

a) Báo cáo quyết toán của doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế nộp lần đầu;

b) Báo cáo quyết toán có sự chênh lệch bất thường về số liệu so với hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan của cơ quan hải quan đã được doanh nghiệp giải trình nhưng không được cơ quan hải quan chấp nhận;

c) Kiểm tra báo cáo quyết toán trên cơ sở áp dụng quản lý rủi ro, đánh giá tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế.

6. Nội dung kiểm tra báo cáo quyết toán: Kiểm tra hồ sơ hải quan, chứng từ kế toán, lượng hàng tồn tại cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế. Cơ quan hải quan chỉ yêu cầu doanh nghiệp xuất trình hồ sơ hải quan, chứng từ kế toán đối với các chứng từ thể hiện số liệu không được lưu trữ trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan hoặc có sự sai khác giữa hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan với số liệu doanh nghiệp báo cáo.

7. Thẩm quyền quyết định kiểm tra báo cáo quyết toán: Đội trưởng Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế quyết định kiểm tra và tổ chức thực hiện việc kiểm tra đối với các trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này.

8. Trình tự, thủ tục kiểm tra báo cáo quyết toán

a) Kiểm tra báo cáo quyết toán thực hiện theo Quyết định của Đội trưởng Hải quan ban hành và gửi cho doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế biết trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ký và chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày tiến hành kiểm tra.

Quyết định kiểm tra phải có các thông tin: Người kiểm tra, người bị kiểm tra, nội dung kiểm tra, thời gian bắt đầu kiểm tra, thời gian kết thúc kiểm tra, địa điểm thực hiện việc kiểm tra;

b) Thời hạn cơ quan hải quan thực hiện kiểm tra không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày bắt đầu kiểm tra tại trụ sở của doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế. Trường hợp phức tạp, Đội trưởng Hải quan ban hành quyết định gia hạn thời hạn kiểm tra nhưng không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra ghi trên quyết định kiểm tra.

Các nội dung kiểm tra được ghi nhận bằng các biên bản kiểm tra giữa đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế và đoàn kiểm tra.

9. Xử lý kết quả kiểm tra: Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra tại trụ sở của doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế, cơ quan hải quan phải có thông báo kết quả kiểm tra với doanh nghiệp được kiểm tra về sự phù hợp, nội dung không phù hợp của báo cáo quyết toán (nếu có) để doanh nghiệp giải trình.

a) Trường hợp kiểm tra xác định báo cáo quyết toán phù hợp với chứng từ kế toán, sổ kế toán, phù hợp với hồ sơ hàng hóa thực hiện kinh doanh hàng miễn thuế, cơ quan hải quan ban hành kết luận kiểm tra và xác nhận kết quả kiểm tra trên báo cáo quyết toán. Cập nhật kết quả kiểm tra vào hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan;

b) Trường hợp không phù hợp với chứng từ kế toán, sổ kế toán, không phù hợp với hồ sơ hàng hóa kinh doanh hàng miễn thuế thì yêu cầu doanh nghiệp giải trình trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày thông báo kết quả kiểm tra. Trường hợp cơ quan hải quan chấp nhận nội dung giải trình của doanh nghiệp, trong thời gian 05 ngày làm việc cơ quan hải quan ban hành kết luận kiểm tra, xác nhận vào báo cáo quyết toán và cập nhật kết quả vào hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan;

c) Trường hợp cơ quan hải quan không chấp nhận nội dung giải trình của doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp không giải trình thì cơ quan hải quan căn cứ quy định pháp luật về thuế, pháp luật về hải quan và hồ sơ hiện có để quyết định xử lý về thuế và xử lý vi phạm hành chính theo thẩm quyền hoặc kiến nghị người có thẩm quyền quyết định xử lý theo quy định pháp luật;

d) Bản kết luận kiểm tra phải có các nội dung: Quyết định kiểm tra, phạm vi kiểm tra, nội dung kiểm tra, ý kiến của người được kiểm tra, kết luận về từng nội dung được kiểm tra, mức độ vi phạm (nếu có), biện pháp xử lý, kiến nghị đề xuất của đoàn kiểm tra về biện pháp xử lý.

Điều 20. Trách nhiệm của đối tượng mua hàng miễn thuế quy định tại Điều 5 Nghị định này

1. Người mua hàng miễn thuế khi mua hàng miễn thuế phải xuất trình, cung cấp những thông tin cần thiết khi mua hàng miễn thuế được quy định tại Nghị định này, không được cho người khác sử dụng hộ chiếu, giấy thông hành, tiêu chuẩn miễn thuế của mình.

2. Thực hiện các nghĩa vụ về thuế, chính sách mặt hàng nhập khẩu trong trường hợp mua hàng vượt tiêu chuẩn định lượng miễn thuế: kê khai, nộp thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước (nếu có) theo quy định và thực hiện các quy định pháp luật liên quan đến hàng hóa nhập khẩu.

Điều 21. Công tác phối hợp của đơn vị kinh doanh cảng biển, cảng hàng không dân dụng quốc tế, ga đường sắt liên vận quốc tế, Ban Quản lý khu kinh tế cửa khẩu đường bộ quốc tế, đơn vị được giao quản lý cửa khẩu đường bộ quốc tế, doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế và cơ quan hải quan

1. Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế thống nhất với đơn vị kinh doanh cảng biển, cảng hàng không dân dụng quốc tế, ga đường sắt liên vận quốc tế, Ban Quản lý khu kinh tế cửa khẩu đường bộ quốc tế, đơn vị được giao quản lý cửa khẩu đường bộ quốc tế về địa điểm cơ quan hải quan thực hiện giám sát hàng hóa, tiền mặt đưa vào, đưa ra khu vực cách ly, khu vực hạn chế.

2. Doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế thông báo cho Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế danh sách những người có nhiệm vụ đưa hàng hóa, tiền mặt ra, vào khu cách ly, khu vực hạn chế và nhân viên bán hàng để đảm bảo các yêu cầu giám sát của cơ quan hải quan.

**Chương III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 22. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21 tháng 8 năm 2026.

2. Nghị định số 100/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ về kinh doanh hàng miễn thuế hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

3. Thay thế biểu mẫu tại Phụ lục III Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng bằng biểu Mẫu số 09/BKHH Phụ lục III Nghị định này.

Điều 23. Trách nhiệm thi hành

1. Giao Bộ Tài chính có trách nhiệm:

a) Xây dựng, duy trì, vận hành hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan để tiếp nhận, xử lý, theo dõi, quản lý hàng hóa đưa vào, đưa ra, bán tại cửa hàng miễn thuế và hướng dẫn các vướng mắc phát sinh đối với hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế.

b) Cung cấp, chia sẻ dữ liệu về hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử và pháp luật có liên quan khác.

2. Doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế chịu trách nhiệm quản lý hàng hóa để kinh doanh hàng miễn thuế, bán hàng miễn thuế đúng đối tượng, thực hiện các thủ tục hải quan liên quan đến kinh doanh hàng miễn thuế theo đúng quy định tại Nghị định này.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2b). *lt*

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG



Nguyễn Văn Thắng
Nguyễn Văn Thắng



Phụ lục I
**QUY ĐỊNH VỀ TRÁI DÁN TEM “VIET NAM DUTY NOT PAID”
ĐỐI VỚI HÀNG HÓA KINH DOANH HÀNG MIỄN THUẾ**
(Kèm theo Nghị định số 273/2026/NĐ-CP
ngày 07 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ)

1. Thuốc lá: Tem được dán ở đầu tút thuốc, vắt qua vị trí mở đảm bảo khi mở tút thuốc thì tem sẽ rách và không thể sử dụng lại được. Đối với thuốc lá sợi, tem được dán ở vị trí nắp hộp đảm bảo khi mở nắp để lấy sợi thuốc thì tem sẽ rách và không thể sử dụng lại được.

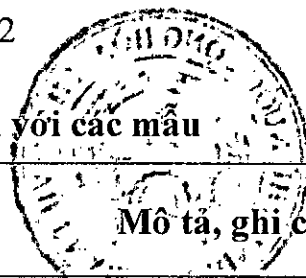
2. Rượu chai (bao gồm cả hũ, bình): Tem được dán vắt qua vị trí mở nơi có thể lấy rượu ra trên bao bì chứa sản phẩm rượu (nắp chai, nắp hũ, nắp bình, vòi rượu,...) đảm bảo khi mở nắp chai thì tem sẽ rách và không thể sử dụng lại được. Đối với các loại rượu đựng trong hộp cần bảo quản đặc biệt của nhà sản xuất (gỗ, si, chì, ...), tem được dán vào nắp hộp phía trên chai rượu đảm bảo khi mở nắp thì tem sẽ rách và không thể sử dụng lại được.

3. Bia các loại: Tem được dán ở vỏ thùng carton vắt qua vị trí mở thùng đảm bảo khi mở thùng thì tem sẽ rách và không thể sử dụng lại được. Đối với bia đựng trong thùng chứa từ 03 lít trở lên thì dán tem vào nắp thùng đảm bảo khi mở thùng thì tem sẽ rách và không thể sử dụng lại được.

Phụ lục II
CHỈ TIÊU THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN THỦ TỤC HẢI QUAN
VỀ NHẬP KHẨU HÀNG MIỄN THUẾ
Kèm theo Nghị định số 273/2026/NĐ-CP
ngày 07 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ)

1. Danh sách các mẫu khai báo

Mẫu số	Tên mẫu
01	Phiếu thông báo hàng vượt định mức của khách mua hàng miễn thuế
02	Phiếu giao hàng đối với khách mua hàng miễn thuế trong nội địa
03	Bảng kê lượng tiền mang vào/ra khu cách ly, khu hạn chế
04	Biên bản bàn giao hàng hóa miễn thuế vận chuyển chịu sự giám sát hải quan
05	Báo cáo quyết toán kinh doanh hàng miễn thuế
06a	Phiếu giao nhận hàng hóa đối với hàng hóa luân chuyển từ kho chứa hàng miễn thuế lên tàu bay
06b	Phiếu giao nhận hàng hóa đối với hàng hóa luân chuyển từ tàu bay về kho chứa hàng miễn thuế
07	Bảng kê lượng tiền mặt luân chuyển giữa kho chứa hàng miễn thuế và tàu bay
08a	Danh sách hàng hóa đưa vào cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế (hàng hóa sản xuất tại Việt Nam)
08b	Danh sách hàng hóa đưa vào cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế (hàng hóa nhập khẩu đã hoàn thành thủ tục nhập khẩu)
08c	Danh sách hàng hóa đưa ra cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế (hàng hóa sản xuất tại Việt Nam, hàng hóa nhập khẩu đã hoàn thành thủ tục nhập khẩu)
09	Bảng kê hàng hóa bán cho khách xuất cảnh
10	Bảng kê hàng mẫu, hàng thử, túi, bao bì nhập khẩu
11	Danh sách hàng hóa luân chuyển giữa kho chứa hàng miễn thuế, cửa hàng miễn thuế
12	Phiếu kê hàng hóa xuất bán cho khách hàng
13	Phiếu hủy
14	Thông tin số định mức miễn thuế
15	Báo cáo tình hình sử dụng hàng mẫu, hàng thử, túi, bao bì



2. Chỉ tiêu thông tin khai báo đối với các mẫu

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả, ghi chú
Mẫu số 01	Phiếu thông báo hàng vượt định mức của khách mua hàng miễn thuế	Thực hiện khi khách mua hàng vượt định mức miễn thuế theo quy định.
A	Thông tin chung	
1.1	Tên doanh nghiệp	Nhập tên doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế.
1.2	Ngày lập phiếu	Nhập ngày khách mua hàng miễn thuế vượt định mức.
1.3	Tên người mua hàng	Nhập tên người mua hàng miễn thuế.
1.4	Số hộ chiếu	Nhập số hộ chiếu của người mua hàng miễn thuế.
1.5	Số hiệu chuyến bay	Nhập số hiệu chuyến bay của người mua hàng miễn thuế.
1.6	Số hóa đơn	Nhập số hóa đơn của đơn hàng mua vượt định mức.
B	Thông tin chi tiết	<i>Thông tin chi tiết từng dòng/mục hàng trong đơn hàng (một đơn hàng được khai nhiều dòng/mục hàng khác nhau)</i>
1.7	Tên hàng	Nhập tên hàng hóa chính xác theo tên hàng đã khai báo trên tờ khai nhập khẩu đối với hàng hóa có nguồn gốc nhập khẩu, danh sách hàng hóa đưa vào cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế đối với hàng hóa có nguồn gốc từ nội địa.
1.8	Đơn vị tính	Nhập đơn vị tính chính xác theo đơn vị tính đã khai báo trên tờ khai nhập khẩu đối với hàng hóa có nguồn gốc nhập khẩu, danh sách hàng hóa đưa vào cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế đối với hàng hóa có nguồn gốc từ nội địa.
1.9	Số lượng	Nhập số lượng hàng hóa khách hàng đã mua chính xác theo hóa đơn bán hàng.
1.10	Trị giá	Nhập trị giá hàng hóa chính xác theo hóa đơn bán hàng.
1.11	Ghi chú	Nhập các nội dung cần ghi chú.

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả, ghi chú
Mẫu số 02	Phiếu giao hàng đối với khách mua hàng miễn thuế trong nội địa	Thực hiện khi khách mua hàng miễn thuế tại cửa hàng miễn thuế trong nội địa và giao hàng tại quầy nhận hàng trong khu cách ly.
A	Thông tin chung	
2.1	Ngày lập phiếu	Nhập ngày lập phiếu giao hàng.
2.2	Tên doanh nghiệp	Nhập tên doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế.
2.3	Mã số thuế	Nhập mã số thuế của doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế.
2.4	Tên người mua hàng	Nhập tên người mua hàng miễn thuế.
2.5	Số hộ chiếu/giấy thông hành của hành khách	Nhập số hộ chiếu/giấy thông hành của người mua hàng miễn thuế.
2.6	Số hiệu chuyến bay, số hiệu phương tiện xuất cảnh	Nhập Số hiệu chuyến bay, số hiệu phương tiện xuất cảnh của người mua hàng miễn thuế (nếu có)
2.7	Số hóa đơn	Nhập số hóa đơn của đơn hàng.
2.8	Ngày hóa đơn	Nhập ngày hóa đơn của đơn hàng.
2.9	Cửa khẩu giao hàng	Nhập cửa khẩu người mua hàng miễn thuế xuất cảnh.
2.10	Kho/cửa hàng xuất hàng	Nhập mã Kho/cửa hàng xuất hàng.
B	Thông tin chi tiết	<i>Thông tin chi tiết từng dòng/mục hàng trong đơn hàng (một đơn hàng được khai nhiều dòng/mục hàng khác nhau)</i>
2.11	Tên hàng	Nhập tên hàng hóa chính xác theo tên hàng đã khai báo trên tờ khai nhập khẩu đối với hàng hóa có nguồn gốc nhập khẩu, danh sách hàng hóa đưa vào cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế đối với hàng hóa có nguồn gốc từ nội địa.
2.12	Đơn vị tính	Nhập đơn vị tính chính xác theo đơn vị tính đã khai báo trên tờ khai nhập khẩu đối với hàng hóa có nguồn gốc nhập khẩu, danh sách hàng hóa đưa vào cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế đối với hàng hóa có nguồn gốc từ nội địa.
2.13	Số lượng	Nhập số lượng hàng hóa khách hàng đã mua chính xác theo hóa đơn bán hàng.
2.14	Trị giá	Nhập trị giá hàng hóa chính xác theo hóa đơn bán hàng.
2.15	Ghi chú	Nhập các nội dung cần ghi chú.

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả, ghi chú
Mẫu số 03	Bảng kê lượng tiền mang vào/ra khu cách ly, khu hạn chế	Thực hiện khi doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế mang tiền vào/ra khu cách ly, khu hạn chế
<i>A</i>	<i>Thông tin chung</i>	
3.1	Ngày lập bảng kê	Nhập ngày lập bảng kê.
3.2	Tên doanh nghiệp	Nhập tên doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế.
3.3	Địa chỉ	Nhập địa chỉ của doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế.
3.4	Mã số thuế	Nhập mã số thuế của doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế.
3.5	Cửa hàng	Nhập mã kho/cửa hàng miễn thuế mang tiền vào/ra khu cách ly, khu hạn chế.
3.6	Loại phiếu	Nhập “1” nếu là phiếu mang vào, “0” nếu là phiếu mang ra.
<i>B</i>	<i>Thông tin chi tiết</i>	<i>Thông tin chi tiết từng loại tiền mặt, tiền thu được không bằng tiền mặt đưa vào/ra khu cách ly, khu hạn chế.</i>
3.7	Loại ngoại tệ	Nhập mã ngoại tệ theo danh mục Mã tiền tệ (Tham khảo bảng mã trên website Hải quan).
3.8	Số lượng	Số lượng tiền ngoại tệ đưa vào/ra.
3.9	Tiền thê	Nhập “1” nếu tiền thu được không phải là tiền mặt, “0” nếu tiền thu được là tiền mặt.
Mẫu số 04	Biên bản bàn giao hàng hóa miễn thuế vận chuyển chịu sự giám sát hải quan	Thực hiện trong trường hợp: - Luân chuyển hàng hóa giữa các kho chứa hàng miễn thuế, giữa các cửa hàng miễn thuế, giữa kho chứa hàng miễn thuế và cửa hàng miễn thuế của một doanh nghiệp có nhiều cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế tại nhiều địa điểm khác nhau chịu sự quản lý của các đơn vị hải quan khác nhau; - Luân chuyển hàng hóa giữa các kho chứa hàng miễn thuế của một doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế với tàu bay để bán hàng trên các chuyến bay quốc tế đi và đến Việt Nam trong trường hợp tàu bay nhập cảnh tại sân bay quốc tế khác với sân bay quốc tế tàu bay xuất cảnh.

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả, ghi chú
A	Thông tin chung	
4.1	Mã số thuế	Nhập mã số thuế của doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế.
4.2	Số biên bản	Không phải nhập liệu, hệ thống tự động cập nhật số biên bản.
4.3	Hải quan bàn giao	Nhập tên Hải quan nơi hàng hóa miễn thuế vận chuyển đi.
4.4	Ngày giờ bàn giao	Nhập ngày giờ bàn giao của Hải quan nơi hàng hóa miễn thuế vận chuyển đi.
4.5	Người nhận bàn giao	Nhập họ tên người nhận bàn giao của Hải quan nơi hàng hóa miễn thuế vận chuyển đi.
4.6	Mã số thuế	Nhập mã số thuế của doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế.
4.7	Số phiếu xuất kho	Nhập số phiếu xuất kho của doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế (được phép nhập nhiều phiếu xuất kho cùng ngày xuất kho)
4.8	Ngày xuất kho	Nhập ngày xuất kho của doanh nghiệp.
4.9	Hải quan đến	Nhập tên Hải quan nơi hàng hóa miễn thuế vận chuyển đến.
4.10	Tình trạng xe	Nhập tình trạng xe container/xe chuyên dụng/hàng hóa.
4.11	Biên bản tình trạng xe	Nhập số biên bản tình trạng xe container/xe chuyên dụng/hàng hóa (nếu có).
4.12	Thời gian vận chuyển	Nhập tổng thời gian vận chuyển.
4.13	Tuyến đường vận chuyển	Nhập tuyến đường vận chuyển.
4.14	Số km	Nhập số km vận chuyển.
4.15	Ngày giờ xuất phát	Nhập ngày, giờ xuất phát.
4.16	Ngày giờ đến	Nhập ngày, giờ đến.
4.17	Vấn đề khác	Nhập các vấn đề khác liên quan đến hàng hóa và hồ sơ hải quan (nếu có).
B	Thông tin chi tiết	
4.18	Số hiệu container	Nhập số hiệu container hoặc biển kiểm soát xe chuyên dụng hoặc số hiệu chuyến bay.

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả, ghi chú
4.19	Số seal vận tải	Nhập số niêm phong hăng vận tải.
	Số lượng kiện	Nhập số lượng kiện đã niêm phong.
4.20	Số niêm phong hải quan	Nhập số niêm phong hải quan.
4.21	Số Mark nhôm	Nhập số Mark nhôm định danh.
Mẫu số 05	Báo cáo quyết toán kinh doanh hàng miễn thuế	Thực hiện khi nộp báo cáo quyết toán tình hình bán hàng miễn thuế trong năm tài chính cho cơ quan hải quan
A	Thông tin chung	
5.1	Mã số thuế	Nhập mã số thuế của doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế.
5.2	Mã hải quan	Nhập mã Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế.
5.3	Năm báo cáo	Nhập năm báo cáo.
5.4	Từ ngày	Nhập ngày bắt đầu năm báo cáo.
5.5	Đến ngày	Nhập ngày kết thúc năm báo cáo.
B	Thông tin chi tiết	<i>Thông tin chi tiết từng dòng/mục hàng trong báo cáo quyết toán (một báo cáo quyết toán được khai nhiều dòng/mục hàng khác nhau)</i>
5.6	Mã HS	Nhập mã HS của hàng hóa.
5.7	Mã hàng	Nhập mã theo dõi hàng hóa của doanh nghiệp.
5.8	Tên hàng	Nhập tên hàng hóa.
5.9	Đơn vị tính	Nhập đơn vị tính theo đơn vị tính bán cho khách mua hàng miễn thuế.
5.10	Số lượng tồn đầu kỳ tạm nhập	Nhập số lượng tồn đầu kỳ hàng tạm nhập khẩu từ nước ngoài, kho ngoại quan, khu phi thuế quan.
5.11	Số lượng tồn đầu kỳ nội địa	Nhập số lượng tồn đầu kỳ hàng từ nội địa, hàng đã hoàn thành thủ tục nhập khẩu.
5.12	Số lượng nhập trong kỳ tạm nhập	Ô 1: Nhập số lượng nhập trong kỳ hàng tạm nhập khẩu từ nước ngoài, kho ngoại quan, khu phi thuế quan. Ô 2: Nhập số lượng hàng hóa nhập về do luân chuyển giữa kho/cửa hàng/tàu bay trong kỳ có nguồn gốc tạm nhập.

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả, ghi chú
5.13	Số lượng nhập trong kỳ nội địa	Ô 1: Nhập số lượng nhập trong kỳ hàng từ nội địa, hàng đã hoàn thành thủ tục nhập khẩu. Ô 2: Nhập số lượng hàng hóa nhập về do luân chuyển giữa kho/cửa hàng/tàu bay trong kỳ có nguồn gốc nội địa.
5.14	Số lượng xuất bán trong kỳ	Nhập số lượng xuất bán trong kỳ.
5.15	Số lượng chuyển tiêu thụ nội địa	Nhập số lượng hàng chuyển tiêu thụ nội địa.
5.16	Số lượng đưa trở lại nội địa	Ô 1: Nhập số lượng hàng đưa trở lại nội địa (hàng từ nội địa, hàng đã hoàn thành thủ tục nhập khẩu). Ô 2: Nhập số lượng hàng hóa xuất do luân chuyển giữa kho/cửa hàng/tàu bay trong kỳ có nguồn gốc nội địa.
5.17	Số lượng tái xuất trong kỳ	Ô 1: Nhập số lượng tái xuất trong kỳ. Ô 2: Nhập số lượng hàng hóa xuất do luân chuyển giữa kho/cửa hàng/tàu bay trong kỳ có nguồn gốc tạm nhập.
5.18	Số lượng tiêu hủy trong kỳ	Nhập số lượng tiêu hủy trong kỳ.
5.19	Số lượng chuyển hàng mẫu hàng thử	Số lượng chuyển hàng mẫu, hàng thử trong kỳ.
5.20	Số lượng tồn cuối kỳ tạm nhập	Nhập số lượng tồn cuối kỳ hàng tạm nhập khẩu từ nước ngoài, kho ngoại quan, khu phi thuế quan.
5.21	Số lượng tồn cuối kỳ nội địa	Nhập số lượng tồn cuối kỳ hàng từ nội địa, hàng đã hoàn thành thủ tục nhập khẩu.
5.22	Hàng mẫu	Nhập “10” nếu là hàng mẫu, hàng thử, túi, bao bì, “0” nếu là hàng hóa để bán cho khách mua hàng miễn thuế.
5.23	Ghi chú	- Nhập thông tin cần ghi chú. - Trường hợp hàng mẫu, hàng thử, túi bao bì nhập khẩu đã sử dụng hết thì doanh nghiệp kê khai vào chỉ tiêu “Số lượng xuất bán trong kỳ” và ghi chú cụ thể là hàng mẫu, hàng thử hoặc túi bao bì nhập khẩu.

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả, ghi chú
Mẫu số 06a	Phiếu giao nhận hàng hóa đối với hàng hóa luân chuyển từ kho chứa hàng miễn thuế lên tàu bay	Thực hiện khi vận chuyển hàng hóa từ kho chứa hàng miễn thuế lên tàu bay.
A	Thông tin chung	
6.1	Mã số thuế	Nhập mã số thuế của doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế.
6.2	Số phiếu	Nhập số phiếu giao nhận của doanh nghiệp.
6.3	Ngày lập phiếu (Ngày hạch toán)	Nhập ngày lập phiếu giao nhận hàng hóa đối với hàng hóa đưa từ kho chứa hàng miễn thuế lên tàu bay.
6.4	Mã kho xuất	Nhập mã kho chứa hàng miễn thuế xuất.
6.5	Số hiệu chuyến bay	Nhập số hiệu chuyến bay.
6.6	Sân bay đi	Nhập tên sân bay quốc tế đi.
6.7	Sân bay đến	Nhập tên sân bay quốc tế đến (dự kiến).
6.8	Ngày đi	Nhập ngày khởi hành.
6.9	Ngày đến	Nhập ngày đến (dự kiến).
6.10	Số hiệu phương tiện chứa hàng miễn thuế	Nhập số hiệu phương tiện chứa hàng miễn thuế.
B	Thông tin chi tiết	<i>Thông tin chi tiết từng dòng/mục hàng trong phiếu giao nhận hàng hóa (một phiếu giao nhận hàng hóa được khai nhiều dòng/mục hàng khác nhau)</i>
6.11	Mã HS	Nhập mã HS của hàng hóa.
6.12	Mã hàng	Nhập mã theo dõi hàng hóa của doanh nghiệp.
6.13	Tên hàng	Nhập tên hàng hóa.
6.14	Đơn vị tính	Nhập đơn vị tính theo đơn vị tính bán cho khách mua hàng miễn thuế.
6.15	Số tờ khai	Nhập số tờ khai đối với hàng hóa có nguồn gốc tạm nhập hoặc số phiếu đối với hàng hóa có nguồn gốc từ nội địa.
6.16	Ngày tờ khai	Nhập ngày tờ khai đối với hàng hóa có nguồn gốc tạm nhập hoặc ngày hạch toán đối với hàng hóa có nguồn gốc từ nội địa.

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả, ghi chú
6.17	Số lượng	Ô 1: Nhập số lượng hàng hóa xuất kho bán trên chuyến bay quốc tế. Ô 2: Nhập “10” nếu là hàng mẫu, hàng thử, túi, bao bì, nhập “0” nếu là hàng hóa bán cho khách mua hàng miễn thuế.
Mẫu số 06b	Phiếu giao nhận hàng hóa đối với hàng hóa luân chuyển từ tàu bay về kho chứa hàng miễn thuế	Thực hiện khi vận chuyển hàng hóa từ tàu bay về kho chứa hàng miễn thuế.
<i>A</i>	<i>Thông tin chung</i>	
6.18	Mã số thuế	Nhập mã số thuế của doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế.
6.19	Số phiếu	Nhập số phiếu giao nhận của doanh nghiệp.
6.20	Ngày lập phiếu (Ngày hạch toán)	Nhập ngày lập phiếu giao nhận hàng hóa đối với hàng hóa đưa từ kho chứa hàng miễn thuế lên tàu bay.
6.21	Mã kho nhập	Nhập mã kho chứa hàng miễn thuế nhập.
6.22	Số hiệu chuyến bay	Nhập số hiệu chuyến bay.
6.23	Sân bay đi	Nhập tên sân bay quốc tế đi.
6.24	Sân bay đến	Nhập tên sân bay quốc tế đến.
6.25	Ngày đi	Nhập ngày khởi hành.
6.26	Ngày đến	Nhập ngày đến.
6.27	Số hiệu phương tiện chứa hàng miễn thuế	Nhập số hiệu phương tiện chứa hàng miễn thuế.
<i>B</i>	<i>Thông tin chi tiết</i>	<i>Thông tin chi tiết từng dòng/mục hàng trong phiếu giao nhận hàng hóa (một phiếu giao nhận hàng hóa được khai nhiều dòng/mục hàng khác nhau)</i>
6.28	Mã HS	Nhập mã HS của hàng hóa.
6.29	Mã hàng	Nhập mã theo dõi hàng hóa của doanh nghiệp.
6.30	Tên hàng	Nhập tên hàng hóa.
6.31	Đơn vị tính	Nhập đơn vị tính theo đơn vị tính bán cho khách mua hàng miễn thuế.

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả, ghi chú
6.32	Số tờ khai	Nhập số tờ khai đối với hàng hóa có nguồn gốc tạm nhập hoặc số phiếu đối với hàng hóa có nguồn gốc từ nội địa.
6.33	Ngày tờ khai	Nhập ngày tờ khai đối với hàng hóa có nguồn gốc tạm nhập hoặc ngày hạch toán đối với hàng hóa có nguồn gốc từ nội địa.
6.34	Số lượng chặng đi	Nhập số lượng hàng hóa đã bán phục vụ hành khách trên chuyến bay quốc tế - chặng đi.
6.35	Số lượng chặng về	Nhập số lượng hàng hóa đã bán phục vụ hành khách trên chuyến bay quốc tế - chặng về.
6.36	Số lượng tồn	Ô 1: Nhập số lượng hàng hóa còn tồn trên chuyến bay quốc tế. Ô 2: Nhập "10" nếu là hàng mẫu, hàng thử, túi, bao bì, nhập "0" nếu là hàng hóa bán cho khách mua hàng miễn thuế.
Mẫu số 07	Bảng kê lượng tiền mặt luân chuyển giữa kho chứa hàng miễn thuế và tàu bay	Thực hiện khi luân chuyển tiền mặt giữa kho chứa hàng miễn thuế và tàu bay.
A	Thông tin chung	
7.1	Mã số thuế	Nhập mã số thuế của doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế.
7.2	Số bảng kê	Nhập số bảng kê của doanh nghiệp.
7.3	Ngày kê khai	Nhập ngày lập bảng kê lượng tiền mặt luân chuyển giữa kho chứa hàng miễn thuế và tàu bay.
7.4	Mã kho	Nhập mã kho chứa hàng miễn thuế giao/nhận tiền mặt.
7.5	Số hiệu chuyến bay	Nhập số hiệu chuyến bay.
7.6	Từ sân bay	Nhập tên sân bay quốc tế đi.
7.7	Đến sân bay	Nhập tên sân bay quốc tế đến.
7.8	Số hiệu phương tiện chứa hàng miễn thuế	Nhập số hiệu phương tiện chứa hàng miễn thuế.
7.9	Ngày giờ bay	Nhập ngày giờ khởi hành.
7.10	Người giao	Nhập họ tên người giao tiền.

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả, ghi chú
7.11	Chức vụ người giao	Nhập chức vụ người giao tiền.
7.12	Người nhận	Nhập họ tên người nhận tiền
7.13	Chức vụ người nhận	Nhập chức vụ người nhận tiền.
7.14	Loại phiếu	Nhập “1” nếu là phiếu đưa lên tàu bay, “0” nếu là phiếu mang xuống tàu bay.
B	Thông tin chi tiết	<i>Thông tin chi tiết từng loại tiền trong bảng kê lượng tiền mặt (một bảng kê lượng tiền mặt được khai nhiều loại tiền khác nhau)</i>
7.15	Loại ngoại tệ	Nhập mã ngoại tệ theo danh mục Mã tiền tệ (Tham khảo bảng mã trên website Hải quan).
7.16	Số lượng	Số lượng tiền ngoại tệ đưa lên/xuống tàu bay.
7.17	Tiền thê	Nhập “1” nếu tiền thu được không phải là tiền mặt, “0” nếu tiền thu được là tiền mặt.
Mẫu số 08a	Danh sách hàng hóa đưa vào cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế (hàng hóa sản xuất tại Việt Nam)	Thực hiện khi đưa hàng hóa vào cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế đối với hàng hóa từ nguồn hàng sản xuất trong nước.
A	Thông tin chung	
8.1	Mã số thuế	Nhập mã số thuế của doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế.
8.2	Số danh sách (Số phiếu)	Nhập số danh sách hàng hóa của doanh nghiệp.
8.3	Ngày lập danh sách (Ngày hạch toán)	Nhập ngày lập danh sách hàng hóa đưa vào cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế đối với hàng hóa từ nguồn hàng sản xuất trong nước.
8.4	Mã kho, cửa hàng nhập	Nhập mã kho chứa hàng miễn thuế, cửa hàng miễn thuế nhập.
8.5	Loại ngoại tệ	Nhập mã ngoại tệ theo danh mục Mã tiền tệ (Tham khảo bảng mã trên website Hải quan).
B	Thông tin chi tiết	<i>Thông tin chi tiết từng dòng/mục hàng trong danh sách hàng hóa (một danh sách hàng hóa được khai nhiều dòng/mục hàng khác nhau)</i>
8.6	Mã HS	Nhập mã HS của hàng hóa.

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả, ghi chú
8.7	Mã hàng	Nhập mã theo dõi hàng hóa của doanh nghiệp.
8.8	Tên hàng	Nhập tên hàng hóa.
8.9	Đơn vị tính	Ô 1: Nhập đơn vị tính theo đơn vị tính nhập kho, cửa hàng. Ô 2: Nhập đơn vị tính theo đơn vị tính bán cho khách mua hàng miễn thuế. Ô 3: Nhập giá trị quy đổi từ đơn vị tính nhập kho, cửa hàng sang đơn vị tính bán cho khách mua hàng miễn thuế. Ví dụ: Đơn vị tính nhập kho, cửa hàng là UND (tút) thuốc lá; đơn vị tính bán cho khách mua hàng miễn thuế là UNK (bao) thuốc lá. 1 TUT thuốc lá gồm 10 bao. Giá trị quy đổi là 10.
8.10	Số lượng	Ô 1: Nhập số lượng theo đơn vị tính bán cho khách mua hàng miễn thuế. Ô 2: Nhập “10” nếu là hàng mẫu, hàng thử, túi, bao bì, nhập “0” nếu là hàng hóa bán cho khách mua hàng miễn thuế.
8.11	Đơn giá	Nhập đơn giá theo đơn vị tính bán cho khách mua hàng miễn thuế.
8.12	Trị giá	Nhập trị giá theo đơn vị tính bán cho khách mua hàng miễn thuế.
Mẫu số 08b	Danh sách hàng hóa đưa vào cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế (hàng hóa nhập khẩu đã hoàn thành thủ tục nhập khẩu)	Thực hiện khi đưa hàng hóa vào cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế đối với hàng hóa nhập khẩu đã hoàn thành thủ tục nhập khẩu.
A	Thông tin chung	
8.13	Mã số thuế	Nhập mã số thuế của doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế.
8.14	Số danh sách (Số phiếu)	Nhập số danh sách hàng hóa của doanh nghiệp.
8.15	Ngày lập danh sách (Ngày hạch toán)	Nhập ngày lập danh sách hàng hóa đưa vào cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế đối với hàng hóa nhập khẩu đã hoàn thành thủ tục nhập

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả, ghi chú
		khẩu.
8.16	Mã kho, cửa hàng nhập	Nhập mã kho chứa hàng miễn thuế, cửa hàng miễn thuế nhập.
8.17	Loại ngoại tệ	Nhập mã ngoại tệ theo danh mục Mã tiền tệ (Tham khảo bảng mã trên website Hải quan).
B	Thông tin chi tiết	<i>Thông tin chi tiết từng dòng/mục hàng trong danh sách hàng hóa (một danh sách hàng hóa được khai nhiều dòng/mục hàng khác nhau)</i>
8.18	Mã HS	Nhập mã HS của hàng hóa.
8.19	Mã hàng	Nhập mã theo dõi hàng hóa của doanh nghiệp.
8.20	Tên hàng	Nhập tên hàng hóa.
8.21	Đơn vị tính	Nhập đơn vị tính theo đơn vị tính bán cho khách mua hàng miễn thuế.
8.22	Số lượng	Ô 1: Nhập số lượng theo đơn vị tính bán cho khách mua hàng miễn thuế. Ô 2: Nhập “10” nếu là hàng mẫu, hàng thử, túi, bao bì, nhập “0” nếu là hàng hóa bán cho khách mua hàng miễn thuế.
8.23	Đơn giá	Nhập đơn giá theo đơn vị tính bán cho khách mua hàng miễn thuế.
8.24	Trị giá	Nhập trị giá theo đơn vị tính bán cho khách mua hàng miễn thuế.
Mẫu số 08c	Danh sách hàng hóa đưa ra cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế (hàng hóa sản xuất tại Việt Nam, hàng hóa nhập khẩu đã hoàn thành thủ tục nhập khẩu)	Thực hiện khi đưa hàng hóa ra khỏi cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế đối với hàng hóa từ nguồn hàng sản xuất trong nước, hàng hóa nhập khẩu đã hoàn thành thủ tục nhập khẩu.
A	Thông tin chung	
8.25	Mã số thuế	Nhập mã số thuế của doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế.
8.26	Số danh sách (Số phiếu)	Nhập số danh sách hàng hóa của doanh nghiệp.

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả, ghi chú
8.27	Ngày lập danh sách (Ngày hạch toán)	Nhập ngày lập danh sách hàng hóa đưa ra cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế đối với hàng hóa từ nguồn hàng sản xuất trong nước, hàng hóa nhập khẩu đã hoàn thành thủ tục nhập khẩu.
8.28	Mã kho, cửa hàng xuất	Nhập mã kho chứa hàng miễn thuế, cửa hàng miễn thuế xuất.
8.29	Loại ngoại tệ	Nhập mã ngoại tệ theo danh mục Mã tiền tệ (Tham khảo bảng mã trên website Hải quan).
B	Thông tin chi tiết	<i>Thông tin chi tiết từng dòng/mục hàng trong danh sách hàng hóa (một danh sách hàng hóa được khai nhiều dòng/mục hàng khác nhau)</i>
8.30	Mã HS	Nhập mã HS của hàng hóa.
8.31	Mã hàng	Nhập mã theo dõi hàng hóa của doanh nghiệp.
8.32	Tên hàng	Nhập tên hàng hóa.
8.33	Đơn vị tính	Nhập đơn vị tính theo đơn vị tính bán cho khách mua hàng miễn thuế.
8.34	Số danh sách/tờ khai	Nhập số danh sách hàng hóa đưa vào/tờ khai nhập khẩu.
8.35	Ngày danh sách/tờ khai	Nhập ngày danh sách hàng hóa đưa vào/tờ khai nhập khẩu.
8.36	Số lượng	Ô 1: Nhập số lượng theo đơn vị tính bán cho khách mua hàng miễn thuế. Ô 2: Nhập “10” nếu là hàng mẫu, hàng thử, túi, bao bì, nhập “0” nếu là hàng hóa bán cho khách mua hàng miễn thuế.
8.37	Đơn giá	Nhập đơn giá theo đơn vị tính bán cho khách mua hàng miễn thuế.
8.38	Trị giá	Nhập trị giá theo đơn vị tính bán cho khách mua hàng miễn thuế.
Mẫu số 09	Bảng kê hàng hóa bán cho khách xuất cảnh	Thực hiện khi làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa đã bán cho khách xuất cảnh nhưng giao ở nước ngoài theo yêu cầu của khách.
A	Thông tin chung	
9.1	Mã số thuế	Nhập mã số thuế của doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế.

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả, ghi chú
9.2	Số bảng kê (Số phiếu)	Nhập số bảng kê hàng hóa của doanh nghiệp.
9.3	Ngày lập bảng kê (Ngày hạch toán)	Nhập ngày lập bảng kê hàng hóa bán cho khách xuất cảnh.
9.4	Mã kho, cửa hàng xuất	Nhập mã kho chứa hàng miễn thuế, cửa hàng miễn thuế xuất.
9.5	Quốc gia	Nhập quốc gia, vùng lãnh thổ giao hàng.
9.6	Loại ngoại tệ	Nhập mã ngoại tệ theo danh mục Mã tiền tệ (Tham khảo bảng mã trên website Hải quan).
B	Thông tin chi tiết	<i>Thông tin chi tiết từng dòng/mục hàng trong bảng kê hàng hóa (một bảng kê hàng hóa được khai nhiều dòng/mục hàng khác nhau)</i>
9.7	Số hóa đơn	Nhập số hóa đơn bán hàng của doanh nghiệp.
9.8	Tên người mua hàng	Nhập họ tên người mua hàng.
9.9	Quốc tịch	Nhập quốc tịch người mua hàng.
9.10	Số hộ chiếu	Nhập số hộ chiếu/số giấy thông hành/số giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế của người mua hàng.
9.11	Ngày hết hạn	Nhập ngày hết hạn hộ chiếu/giấy thông hành/giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế của người mua hàng.
9.12	Mã HS	Nhập mã HS của hàng hóa.
9.13	Mã hàng	Nhập mã theo dõi hàng hóa của doanh nghiệp.
9.14	Tên hàng	Nhập tên hàng hóa.
9.15	Đơn vị tính	Nhập đơn vị tính theo đơn vị tính bán cho khách mua hàng miễn thuế.
9.16	Số lượng	Nhập số lượng theo đơn vị tính bán cho khách mua hàng miễn thuế.
9.17	Đơn giá	Nhập đơn giá theo đơn vị tính bán cho khách mua hàng miễn thuế.
9.18	Trị giá	Nhập trị giá theo đơn vị tính bán cho khách mua hàng miễn thuế.
Mẫu số 10	Bảng kê hàng mẫu, hàng thử, túi, bao bì nhập khẩu	Thực hiện khi xuất hàng mẫu, hàng thử, túi, bao bì nhập khẩu từ kho/cửa hàng sang kho/cửa hàng.

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả, ghi chú
A	Thông tin chung	
10.1	Mã số thuế	Nhập mã số thuế của doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế.
10.2	Số bảng kê (Số phiếu)	Nhập số bảng kê hàng hóa của doanh nghiệp.
10.3	Ngày xuất kho	Ngày xuất kho hoặc cửa hàng của doanh nghiệp (ngày hạch toán).
10.4	Ngày nhập kho	Ngày nhập kho hoặc cửa hàng của doanh nghiệp (ngày hạch toán).
10.5	Mã kho, cửa hàng xuất	Nhập mã kho chứa hàng miễn thuế, cửa hàng miễn thuế xuất.
10.6	Mã kho, cửa hàng nhập	Nhập mã kho chứa hàng miễn thuế, cửa hàng miễn thuế nhập.
10.7	Vị trí	Nhập “0” nếu kho/cửa hàng xuất cùng thuộc khu cách ly/khu hạn chế với kho/cửa hàng nhập, “1” nếu kho/cửa hàng xuất khác khu vực với kho/cửa hàng nhập.
10.8	Loại ngoại tệ	Nhập mã ngoại tệ theo danh mục Mã tiền tệ (Tham khảo bảng mã trên website Hải quan).
B	Thông tin chi tiết	<i>Thông tin chi tiết từng dòng/mục hàng trong bảng kê hàng hóa (một bảng kê hàng hóa được khai nhiều dòng/mục hàng khác nhau)</i>
10.9	Mã HS	Nhập mã HS của hàng hóa.
10.10	Mã hàng	Nhập mã theo dõi hàng hóa của doanh nghiệp.
10.11	Tên hàng	Nhập tên hàng hóa.
10.12	Đơn vị tính	Nhập đơn vị tính.
10.13	Số danh sách/tờ khai	Nhập số danh sách hàng hóa đưa vào/tờ khai nhập khẩu.
10.14	Ngày danh sách/tờ khai	Nhập ngày danh sách hàng hóa đưa vào/tờ khai nhập khẩu.
10.15	Số lượng	Nhập số lượng.
10.16	Đơn giá	Nhập đơn giá.
10.17	Trị giá	Nhập trị giá.

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả, ghi chú
Mẫu số 11	Danh sách hàng hóa luân chuyển giữa kho chứa hàng miễn thuế, cửa hàng miễn thuế	Thực hiện khi luân chuyển hàng hóa giữa các kho chứa hàng miễn thuế, giữa các cửa hàng miễn thuế, giữa kho chứa hàng miễn thuế và cửa hàng miễn thuế.
A	Thông tin chung	
11.1	Mã số thuế	Nhập mã số thuế của doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế.
11.2	Số danh sách (Số phiếu)	Nhập số danh sách hàng hóa của doanh nghiệp.
11.3	Ngày xuất kho	Ngày xuất kho hoặc cửa hàng của doanh nghiệp (ngày hạch toán).
11.4	Ngày nhập kho	Ngày nhập kho hoặc cửa hàng của doanh nghiệp (ngày hạch toán).
11.5	Mã kho, cửa hàng xuất	Nhập mã kho chứa hàng miễn thuế, cửa hàng miễn thuế xuất.
11.6	Mã kho, cửa hàng nhập	Nhập mã kho chứa hàng miễn thuế, cửa hàng miễn thuế nhập.
11.7	Vị trí	Nhập “0” nếu kho/cửa hàng xuất cùng thuộc khu cách ly/khu hạn chế với kho/cửa hàng nhập, “1” nếu kho/cửa hàng xuất khác khu vực với kho/cửa hàng nhập.
11.8	Tuyến đường vận chuyển	Nhập tuyến đường vận chuyển.
11.9	Loại ngoại tệ	Nhập mã ngoại tệ theo danh mục Mã tiền tệ (Tham khảo bảng mã trên website Hải quan).
B	Thông tin chi tiết	<i>Thông tin chi tiết từng dòng/mục hàng trong danh sách hàng hóa (một danh sách hàng hóa được khai nhiều dòng/mục hàng khác nhau)</i>
11.10	Mã HS	Nhập mã HS của hàng hóa.
11.11	Mã hàng	Nhập mã theo dõi hàng hóa của doanh nghiệp.
11.12	Tên hàng	Nhập tên hàng hóa.
11.13	Đơn vị tính	Nhập đơn vị tính.
11.14	Số danh sách/tờ khai	Nhập số danh sách hàng hóa đưa vào/tờ khai nhập khẩu.

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả, ghi chú
11.15	Ngày danh sách/tờ khai	Nhập ngày danh sách hàng hóa đưa vào/tờ khai nhập khẩu.
11.16	Số lượng	Nhập số lượng.
11.17	Đơn giá	Nhập đơn giá.
11.18	Trị giá	Nhập trị giá.
Mẫu số 12	Phiếu kê hàng hóa xuất bán cho khách hàng	Thực hiện khi bán hàng miễn thuế.
A	Thông tin chung	
12.1	Mã số thuế	Nhập mã số thuế của doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế.
12.2	Số phiếu	Nhập số phiếu kê hàng hóa của doanh nghiệp.
12.3	Ngày hạch toán	Ngày lập phiếu kê hàng hóa của doanh nghiệp.
12.4	Mã kho, cửa hàng xuất	Nhập mã kho chứa hàng miễn thuế, cửa hàng miễn thuế xuất.
12.5	Loại ngoại tệ	Nhập mã ngoại tệ theo danh mục Mã tiền tệ (Tham khảo bảng mã trên website Hải quan).
12.6	Mã đối tượng	Nhập mã đối tượng: “ĐT1”: Người xuất cảnh, quá cảnh “ĐT2”: Người nhập cảnh tại cửa khẩu sân bay quốc tế “ĐT3”: Người chờ xuất cảnh mua hàng tại cửa hàng miễn thuế trong nội địa “ĐT4”: Cá nhân, tổ chức được hưởng quyền ưu đãi miễn trừ mua hàng tại cửa hàng miễn thuế trong nội địa “ĐT5”: Đối tượng là thuyền viên phục vụ hành trình tiếp theo ngoài lãnh hải Việt Nam “ĐT6”: Thuyền viên phục vụ nhu cầu sinh hoạt chung trong thời gian neo đậu tại cảng Việt Nam “ĐT8”: Thuyền viên phục vụ nhu cầu cá nhân trong thời gian tàu neo đậu tại cảng “ĐT9”: Hành khách đang thực hiện chuyến bay quốc tế đến Việt Nam “ĐT10”: Khách trên tàu bay xuất cảnh

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả, ghi chú
12.7	Giao nước ngoài	Nhập “1” nếu giao hàng miễn thuế ở nước ngoài, “0” nếu giao hàng miễn thuế tại Việt Nam.
12.8	Thông tin người mua hàng	Đối với mỗi loại đối tượng mua hàng miễn thuế, thực hiện khai các chỉ tiêu thông tin với từng loại đối tượng.
	<i>* DT1 - Người xuất cảnh, quá cảnh</i>	
12.8.1	Tên người mua hàng	Nhập họ tên người mua hàng đúng theo hộ chiếu hoặc giấy tờ đi lại.
12.8.2	Số hộ chiếu	Nhập số hộ chiếu/số giấy tờ đi lại của người mua hàng.
12.8.3	Quốc tịch	Nhập quốc tịch của người mua hàng.
12.8.4	Số hiệu phương tiện	Nhập số hiệu chuyến bay đối với người xuất cảnh, quá cảnh bằng đường hàng không.
12.8.5	Ngày đi	Nhập: - Ngày bay (date) được ghi trên thẻ tàu bay (boarding pass) đối với người xuất cảnh, quá cảnh bằng đường hàng không. - Ngày khởi hành của phương tiện đối với người xuất cảnh, quá cảnh bằng đường sắt, đường biển.
12.8.6	Tên tàu	Nhập tên tàu.
	<i>* DT2 - Người nhập cảnh tại cửa khẩu quốc tế sân bay</i>	
12.8.7	Tên người mua hàng	Nhập họ tên người mua hàng đúng theo hộ chiếu hoặc giấy tờ đi lại.
12.8.8	Số hộ chiếu	Nhập số hộ chiếu/số giấy tờ đi lại của người mua hàng.
12.8.9	Quốc tịch	Nhập quốc tịch của người mua hàng.
12.8.10	Số hiệu phương tiện	Nhập số hiệu chuyến bay.
12.8.11	Ngày đi	Nhập ngày bay (date) được ghi trên thẻ tàu bay (boarding pass).
	<i>* DT3 - Người chờ xuất cảnh mua hàng tại cửa hàng miễn thuế trong nội địa</i>	
12.8.12	Tên người mua hàng	Nhập họ tên người mua hàng đúng theo hộ chiếu hoặc giấy tờ đi lại.

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả, ghi chú
12.8.13	Số hộ chiếu	Nhập số hộ chiếu/số giấy tờ đi lại của người mua hàng.
12.8.14	Quốc tịch	Nhập quốc tịch của người mua hàng.
12.8.15	Ngày đi	Nhập ngày xuất cảnh (nếu có).
12.8.16	Tên tàu	Nhập tên tàu (nếu có).
	<i>* DT4 - Cá nhân, tổ chức được hưởng quyền ưu đãi miễn trừ mua hàng tại cửa hàng miễn thuế trong nội địa</i>	
12.8.17	Số sổ	Nhập số sổ định mức mua hàng miễn thuế.
	<i>* DT5 - Đối tượng là thuyền viên phục vụ hành trình tiếp theo ngoài lãnh hải VN</i>	
12.8.18	Tên người mua hàng	Nhập họ tên của thuyền trưởng hoặc người đại diện tàu.
12.8.19	Số hộ chiếu	Nhập số hộ chiếu/số giấy tờ đi lại của thuyền trưởng hoặc người đại diện tàu.
12.8.20	Quốc tịch	Nhập quốc tịch của thuyền trưởng hoặc người đại diện tàu.
12.8.21	Số hiệu phương tiện	Nhập tên tàu/số hiệu tàu.
12.8.22	Ngày đến	Nhập ngày tàu nhập cảnh.
	<i>* DT6 - Thuyền viên phục vụ nhu cầu sinh hoạt chung trong thời gian tàu neo đậu tại cảng VN</i>	
12.8.23	Tên người mua hàng	Nhập họ tên người mua hàng đúng theo hộ chiếu hoặc giấy tờ đi lại.
12.8.24	Số hộ chiếu	Nhập số hộ chiếu/số giấy tờ đi lại của người mua hàng.
12.8.25	Quốc tịch	Nhập quốc tịch của người mua hàng.
12.8.26	Số hiệu phương tiện	Nhập tên tàu/số hiệu tàu.
12.8.27	Ngày đến	Nhập ngày tàu nhập cảnh.
	<i>* DT8 - Thuyền viên phục vụ nhu cầu cá nhân trong thời gian tàu neo đậu tại cảng VN</i>	
12.8.28	Tên người mua hàng	Nhập họ tên người mua hàng đúng theo hộ chiếu hoặc giấy tờ đi lại.
12.8.29	Số hộ chiếu	Nhập số hộ chiếu/số giấy tờ đi lại của người mua hàng.

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả, ghi chú
12.8.30	Quốc tịch	Nhập quốc tịch của người mua hàng.
12.8.31	Ngày đi	Nhập ngày khởi hành của phương tiện.
12.8.32	Ngày đến	Nhập ngày tàu nhập cảnh.
12.8.33	Số hiệu phương tiện	Nhập tên tàu/số hiệu tàu.
	<i>* DT9 - Hành khách đang thực hiện chuyến bay đến VN</i>	
12.8.34	Tên người mua hàng	Nhập họ tên người mua hàng đúng theo hộ chiếu hoặc giấy tờ đi lại.
12.8.35	Số hộ chiếu	Nhập số hộ chiếu/số giấy tờ đi lại của người mua hàng.
12.8.36	Quốc tịch	Nhập quốc tịch của người mua hàng.
12.8.37	Số hiệu phương tiện	Nhập số hiệu chuyến bay.
12.8.38	Thẻ lên tàu bay	Nhập số, ký hiệu thẻ lên tàu bay.
	<i>* DT10 - Khách trên tàu bay xuất cảnh</i>	
12.8.39	Tên người mua hàng	Nhập họ tên người mua hàng đúng theo hộ chiếu hoặc giấy tờ đi lại.
12.8.40	Số hộ chiếu	Nhập số hộ chiếu/số giấy tờ đi lại của người mua hàng.
12.8.41	Quốc tịch	Nhập quốc tịch của người mua hàng.
12.8.42	Số hiệu phương tiện	Nhập số hiệu chuyến bay.
12.8.43	Thẻ lên tàu bay	Nhập số, ký hiệu thẻ lên tàu bay.
B	Thông tin chi tiết	<i>Thông tin chi tiết từng dòng/mục hàng trong phiếu kê hàng hóa xuất bán (một phiếu kê hàng hóa xuất bán được khai nhiều dòng/mục hàng khác nhau)</i>
12.9	Mã HS	Nhập mã HS của hàng hóa.
12.10	Mã hàng	Nhập mã theo dõi hàng hóa của doanh nghiệp.
12.11	Tên hàng	Nhập tên hàng hóa chính xác theo tên hàng đã khai báo trên tờ khai nhập khẩu đối với hàng hóa có nguồn gốc nhập khẩu, danh sách hàng hóa đưa vào cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế đối với hàng hóa có nguồn gốc từ nội địa.
12.12	Loại hàng	Nhập “1” nếu là Xi gà, “2” nếu là Thuốc lá điếu, “3” nếu là Thuốc lá sợi, “4” nếu là Rượu trên 20 độ, “5” nếu là Rượu dưới 20 độ, “6” nếu là Đồ uống có cồn, bia, “0” nếu là Hàng hóa khác.

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả, ghi chú
12.13	Đơn vị tính	Nhập đơn vị tính chính xác theo đơn vị tính đã khai báo trên tờ khai nhập khẩu đối với hàng hóa có nguồn gốc nhập khẩu, danh sách hàng hóa đưa vào cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế đối với hàng hóa có nguồn gốc từ nội địa. Ghi chú: Đối với hàng hóa có giới hạn định mức mua hàng miễn thuế phải áp dụng đơn vị tính như sau: Xi gà, Thuốc lá điều là PCE; Thuốc lá sợi là GRM; Rượu, đồ uống có cồn, bia là LTR.
12.14	Số tờ khai	Nhập số tờ khai đối với hàng hóa có nguồn gốc tạm nhập hoặc số phiếu đối với hàng hóa có nguồn gốc từ nội địa.
12.15	Ngày tờ khai	Nhập ngày tờ khai đối với hàng hóa có nguồn gốc tạm nhập hoặc ngày lập phiếu đối với hàng hóa có nguồn gốc từ nội địa.
12.16	Số lượng	Nhập số lượng theo đơn vị tính.
12.17	Đơn giá	Nhập đơn giá.
12.18	Trị giá	Nhập trị giá.
Mẫu số 13	Phiếu hủy	Thực hiện khi hủy các phiếu đã gửi đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan
13.1	Mã số thuế	Nhập mã số thuế của doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế.
13.2	Số phiếu	Nhập số phiếu cần hủy.
13.3	Loại phiếu	Nhập mã loại phiếu cần hủy.
13.4	Lý do	Nhập lý do cần hủy phiếu.
Mẫu số 14	Thông tin sổ định mức miễn thuế	Thực hiện đối với trường hợp sử dụng Sổ lần đầu, trước khi bán hàng miễn thuế cho đối tượng được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ
A	Thông tin chung	
14.1	Mã số thuế	Nhập mã số thuế của doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế.
14.2	Số sổ	Nhập số sổ định mức miễn thuế
14.3	Từ ngày	Nhập thời hạn có hiệu lực của sổ định mức từ ngày.
14.4	Đến ngày	Nhập thời hạn hết hiệu lực của sổ định mức.

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả, ghi chú
14.5	Số hộ chiếu	Nhập số hộ chiếu hoặc số chứng minh thư do Bộ Ngoại giao cấp.
14.6	Tên người mua	Nhập tên người mua hàng.
14.7	Chức vụ	Nhập chức vụ của người mua hàng.
14.8	Cơ quan	Nhập cơ quan của người mua hàng.
B	Thông tin chi tiết	<i>Thông tin chi tiết từng dòng/mục hàng trong sổ định mức miễn thuế (một sổ định mức miễn thuế được khai nhiều dòng/mục hàng khác nhau)</i>
14.9	Mã HS	Nhập mã HS của hàng hóa.
14.10	Đơn vị tính	Nhập đơn vị tính chính xác theo đơn vị tính đã khai báo trên tờ khai nhập khẩu đối với hàng hóa có nguồn gốc nhập khẩu, danh sách hàng hóa đưa vào cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế đối với hàng hóa có nguồn gốc từ nội địa.
14.11	Số lượng	Nhập số lượng theo đơn vị tính.
14.12	Từ ngày	Nhập thời hạn mua hàng miễn thuế với từng mặt hàng từ ngày.
14.13	Đến ngày	Nhập ngày hết hạn mua hàng miễn thuế với từng mặt hàng.
Mẫu số 15	Báo cáo tình hình sử dụng hàng mẫu, hàng thử, túi, bao bì	Thực hiện định kỳ hàng tháng.
A	Thông tin chung	
15.1	Mã số thuế	Nhập mã số thuế của doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế.
15.2	Mã hải quan	Nhập mã Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế.
15.3	Tháng báo cáo	Nhập tháng báo cáo.
15.4	Năm báo cáo	Nhập năm báo cáo.
B	Thông tin chi tiết	<i>Thông tin chi tiết từng dòng/mục hàng trong báo cáo (một báo cáo được khai nhiều dòng/mục hàng khác nhau)</i>
15.5	Mã HS	Nhập mã HS của hàng hóa.
15.6	Mã hàng	Nhập mã theo dõi hàng hóa của doanh nghiệp.

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả, ghi chú
15.7	Tên hàng	Nhập tên hàng hóa.
15.8	Đơn vị tính	Nhập đơn vị tính.
15.9	Số tờ khai	Nhập số tờ khai đối với hàng hóa có nguồn gốc tạm nhập hoặc số phiếu đối với hàng hóa có nguồn gốc từ nội địa.
15.10	Ngày tờ khai	Nhập ngày tờ khai đối với hàng hóa có nguồn gốc tạm nhập hoặc ngày hạch toán đối với hàng hóa có nguồn gốc từ nội địa.
15.11	Số lượng nhập	Nhập số lượng kho/cửa hàng nhập trong kỳ báo cáo.
15.12	Số lượng xuất sử dụng	Nhập số lượng kho/cửa hàng đã xuất sử dụng, xuất tiêu hủy trong kỳ báo cáo.
15.13	Số lượng xuất về kho, cửa hàng	Nhập số lượng kho/cửa hàng xuất sang kho/cửa hàng thuộc Hải quan khác trong kỳ báo cáo.
15.14	Số lượng tồn	Nhập số lượng còn tồn tại kho/cửa hàng.

Phụ lục III
BIỂU MẪU LIÊN QUAN ĐẾN THỦ TỤC HẢI QUAN
Ở KINH DOANH HÀNG MIỄN THUẾ
(Ban theo Nghị định số 273/2026/NĐ-CP
ngày 07 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ)

Mẫu số 01/PTBHVĐM	Phiếu thông báo hàng vượt định mức của khách mua hàng miễn thuế
Mẫu số 02/PGH	Phiếu giao hàng đối với khách mua hàng miễn thuế trong nội địa
Mẫu số 03/BKTMVR	Bảng kê lượng tiền mang vào/ra khu cách ly, khu hạn chế
Mẫu số 04/BBBG	Biên bản bàn giao hàng hóa miễn thuế vận chuyển chịu sự giám sát hải quan
Mẫu số 05/BCQT	Báo cáo quyết toán kinh doanh hàng miễn thuế
Mẫu số 06/PGHKVTB	Phiếu giao nhận hàng hóa đối với hàng hóa luân chuyển giữa kho chứa hàng miễn thuế và tàu bay
Mẫu số 07/BKTMKVTB	Bảng kê lượng tiền mặt luân chuyển giữa kho chứa hàng miễn thuế và tàu bay
Mẫu số 08/DSHH	Danh sách hàng hóa đưa vào/đưa ra cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế
Mẫu số 09/BKHH	Bảng kê hàng hóa bán cho khách xuất cảnh
Mẫu số 10/BKHMT	Bảng kê hàng mẫu, hàng thử, túi, bao bì nhập khẩu
Mẫu số 11/BBKT	Biên bản kiểm tra

Mẫu số 01/PTBHVĐM

TÊN DOANH NGHIỆP
_____CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng năm

**PHIẾU THÔNG BÁO
HÀNG VƯỢT ĐỊNH MỨC CỦA KHÁCH MUA HÀNG MIỄN THUẾ**

Tên người mua hàng:

Số hộ chiếu:

Số hiệu chuyến bay:

Số hóa đơn:

STT	Tên hàng	Đơn vị tính	Số lượng	Trị giá	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

**XÁC NHẬN CỦA
CỬA HÀNG MIỄN THUẾ**
(Ký, ghi rõ họ tên)**XÁC NHẬN CỦA CÔNG CHỨC
HẢI QUAN**
(Ký, đóng dấu công chức)

PHIẾU GIAO HÀNG
ĐỐI VỚI KHÁCH MUA HÀNG MIỄN THUẾ TRONG NỘI ĐỊA

....., ngày ... tháng ... năm ...

Tên doanh nghiệp:

Mã số thuế:

Tên người mua hàng:

Số hộ chiếu/giấy thông hành của hành khách:

Số hiệu chuyến bay, số hiệu phương tiện xuất cảnh (nếu có):

Số hóa đơn:

Ngày hóa đơn:

Cửa khẩu giao hàng:

Kho/cửa hàng xuất hàng:

STT	Tên hàng	Đơn vị tính	Số lượng	Trị giá	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

**XÁC NHẬN CỦA
NGƯỜI MUA HÀNG**
(Ký, ghi rõ họ tên)

**XÁC NHẬN CỦA NHÂN VIÊN
BÁN HÀNG MIỄN THUẾ/
KHO HÀNG MIỄN THUẾ**
(Ký, ghi rõ họ tên)

**XÁC NHẬN CỦA
CÔNG CHỨC HẢI
QUAN CỬA KHẨU**
(Ký, đóng dấu số hiệu
công chức)

* **Ghi chú:** Nhân viên kho hàng miễn thuế chỉ thực hiện xác nhận trong trường hợp doanh nghiệp có nhiều cửa hàng miễn thuế, đề nghị được sử dụng hàng hóa tại kho hàng miễn thuế cửa khẩu khách xuất cảnh để giao cho khách hàng đã mua hàng tại cửa hàng miễn thuế trong nội địa (kho hàng miễn thuế tại sân bay và cửa hàng miễn thuế trong nội địa thuộc sự quản lý của một hoặc nhiều đơn vị hải quan khác nhau).

Mẫu số 03/BKTMVR

**BẢNG KÊ LƯỢNG TIỀN MANG VÀO/RA
KHU CÁCH LY, KHU HẠN CHẾ**

....., ngàythángnăm....

(1) Tên doanh nghiệp:

(2) Địa chỉ:

(3) Mã số thuế:

(4) Cửa hàng:

Tiền mặt đưa vào khu cách ly, khu hạn chế				Tiền mặt đưa ra khỏi khu cách ly, khu hạn chế				Tổng tiền thu được không bằng tiền mặt	
Tổng tiền Việt Nam	Ngoại tệ		Xác nhận công chức hải quan giám sát khi đưa vào khu cách ly	Tổng tiền Việt Nam	Ngoại tệ		Xác nhận công chức hải quan giám sát khi đưa ra khỏi khu cách ly	Loại tiền	Số lượng
	Loại tiền	Số lượng			Loại tiền	Số lượng			
(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)

**(15) ĐẠI DIỆN CỦA
DOANH NGHIỆP KHI ĐƯA TIỀN
VÀO KHU CÁCH LY**
(Ký, ghi rõ họ tên)

**(16) ĐẠI DIỆN CỦA
DOANH NGHIỆP KHI ĐƯA TIỀN
RA KHỎI KHU CÁCH LY**
(Ký, ghi rõ họ tên)

***Ghi chú:** Tại cột (6) và cột (10), (13) ghi rõ loại ngoại tệ mang vào/ra khu cách ly như:
USD, EURO, ...

Mẫu số 04/BBBG

CHI CỤC HẢI QUAN KHU VỰC:...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÊN HẢI QUAN:

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:HQ-BBBG

BIÊN BẢN**Bản giao hàng hóa miễn thuế vận chuyển chịu sự giám sát hải quan**

Hồi giờ phút, ngày ... tháng năm, Hải quan..... Số điện thoại Số fax bản giao cho ông (bà) Đại diện của Công ty.....; lô hàng thuộc phiếu xuất kho số ngàytháng.....năm để vận chuyển đến Hải quanthuộc Chi cục Hải quan khu vực gồm:

1. Hồ sơ hải quan

a)

b)

2. Hàng hóa

STT	Số hiệu container/ biên kiểm soát xe chuyên dụng/số hiệu chuyến bay	Số niêm phong hãng vận tải	Số niêm phong hải quan	Số lượng kiện đã niêm phong	Số Mark nhôm định danh
(01)	(02)	(03)	(04)	(05)	(06)

Tình trạng xe container/xe chuyên dụng/hàng hóa.....

Biên bản về tình trạng xe container/xe chuyên dụng/hàng hóa (nếu có), số.....

Thời gian vận chuyển; Tuyến đường vận chuyển:.....; km

Ngày, giờ xuất phát: Ngày, giờ đến:

Các vấn đề khác có liên quan đến hàng hóa và hồ sơ hải quan:.....

.....

**NGƯỜI KHAI
HẢI QUAN/
NGƯỜI VẬN CHUYỂN**
(Ký, ghi rõ họ tên)

**XÁC NHẬN CỦA
HẢI QUAN NƠI HÀNG HÓA
VẬN CHUYỂN ĐI**
(Ký, đóng dấu số hiệu công chức)

**XÁC NHẬN CỦA
HẢI QUAN NƠI HÀNG
HÓA VẬN CHUYỂN ĐẾN**
(Ký, đóng dấu số hiệu công chức)

***Ghi chú:** Cột (6) chỉ dành cho vận chuyển hàng hóa giữa kho chứa hàng miễn thuế và tàu bay phục vụ bán hàng trên các chuyến bay quốc tế đi và đến Việt Nam trong trường hợp tàu bay nhập cảnh tại sân bay khác với sân bay xuất cảnh ban đầu.

Mẫu số 05/BCQT

Tên doanh nghiệp
kinh doanh hàng miễn thuế
Mã số thuế:
Địa chỉ:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO QUYẾT TOÁN KINH DOANH HÀNG MIỄN THUẾ

Năm:.....

STT	Tên hàng hóa	Mã hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng											Ghi chú
				Tồn đầu kỳ		Nhập trong kỳ		Xuất trong kỳ					Tồn cuối kỳ		
				Tạm nhập khẩu từ nước ngoài, kho ngoại quan, khu phi thuế quan	Từ nội địa	Tạm nhập khẩu từ nước ngoài, kho ngoại quan, khu phi thuế quan	Từ nội địa	Xuất bán	Chuyển tiêu thụ nội địa	Đưa trở lại nội địa	Tái xuất	Tiêu hủy	Tạm nhập khẩu từ nước ngoài, kho ngoại quan, khu phi thuế quan	Từ nội địa	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)

NGƯỜI LẬP
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng.....năm....
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
DOANH NGHIỆP
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

1. Mã hàng hóa cột (03) là mã theo dõi hàng hóa của doanh nghiệp.
2. Báo cáo bao gồm cả hàng tặng kèm sản phẩm hàng mẫu, hàng thử, túi bao bì nhập khẩu (nếu có).
3. Trường hợp hàng mẫu, hàng thử, túi bao bì nhập khẩu đã sử dụng hết thì doanh nghiệp kê khai vào cột xuất bán (09) và ghi chú cụ thể vào cột (16) là hàng mẫu, hàng thử hoặc túi bao bì nhập khẩu.
4. Trường hợp luân chuyển hàng hóa giữa các cửa hàng miễn thuế, giữa các kho chứa hàng miễn thuế, giữa cửa hàng miễn thuế và kho chứa hàng miễn thuế tại nhiều địa điểm khác nhau chịu sự quản lý của các đơn vị hải quan khác nhau thì thực hiện như sau:
 - a) Tại cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế thực hiện việc xuất hàng hóa sang cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế thuộc đơn vị hải quan khác quản lý:
 - Hàng hóa khi đưa vào cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế có nguồn gốc “tạm nhập khẩu từ nước ngoài, kho ngoại quan, khu phi thuế quan” thì khi xuất kho tại báo cáo quyết toán ghi vào xuất trong kỳ tại cột tái xuất (12).
 - Hàng hóa khi đưa vào cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế có nguồn gốc “từ nội địa” thì khi xuất kho tại báo cáo quyết toán xuất trong kỳ tại cột đưa trở lại nội địa (11).
 - b) Tại cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế thực hiện nhập hàng hóa từ cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế thuộc đơn vị hải quan khác quản lý:
 - Hàng hóa có nguồn gốc “tạm nhập khẩu từ nước ngoài, kho ngoại quan, khu phi thuế quan” thì khi nhập kho ghi vào cột tạm nhập khẩu từ nước ngoài, kho ngoại quan, khu phi thuế quan (5).
 - Hàng hóa có nguồn gốc nội địa thì nhập trong kỳ ghi vào cột từ nội địa (6).

Mẫu số 06/PGHKVTB

**PHIẾU GIAO NHẬN HÀNG HÓA ĐỐI VỚI HÀNG HÓA
LUÂN CHUYỂN GIỮA KHO CHỨA HÀNG MIỄN THUẾ VÀ TÀU BAY**

....., ngày ... tháng ... năm ...

(01) Số phiếu giao nhận:/mã số thuế/PGHKVTB

(02) Tên doanh nghiệp:

Mã số thuế:

(03) Số hiệu chuyển bay:

(04) Sân bay quốc tế đi:

Sân bay quốc tế đến (dự kiến):

(05) Thời gian khởi hành:

Thời gian đến (dự kiến):

(06) Số hiệu phương tiện chứa hàng miễn thuế:

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Lượng hàng hóa xuất kho bán trên chuyến bay quốc tế	Lượng hàng hóa đã bán phục vụ hành khách trên chuyến bay quốc tế		Lượng hàng hóa còn tồn trên chuyến bay quốc tế
				Chặng đi	Chặng về	
(07)	(08)	(09)	(10)	(11)	(12)	(13)

Ngày đi:

(14) **ĐẠI DIỆN**
DOANH NGHIỆP
(Ký, ghi rõ họ tên)

(15) **ĐẠI DIỆN**
TIẾP VIÊN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày về:

(17) **ĐẠI DIỆN**
DOANH NGHIỆP
(Ký, ghi rõ họ tên)

(18) **ĐẠI DIỆN**
TIẾP VIÊN
(Ký, ghi rõ họ tên)

(16) XÁC NHẬN CỦA HẢI QUAN

Niêm phong HQ:

Mark nhôm định danh:

(Ký, đóng dấu số hiệu công chức)

(19) XÁC NHẬN CỦA HẢI QUAN

Mark nhôm định danh:

(Ký, đóng dấu số hiệu công chức)

* **Ghi chú:** Đối với trường hợp kho chứa hàng miễn thuế nằm trong khu cách ly, cơ quan hải quan không cần phải điền nội dung Niêm phong HQ và Mark nhôm định danh tại chỉ tiêu (16) và chỉ tiêu (19).

Mẫu số 07/BKTMKVTB

**BẢNG KÊ LƯỢNG TIỀN MẶT LUÂN CHUYỂN
GIỮA KHO CHỨA HÀNG MIỄN THUẾ VÀ TÀU BAY**

....., ngày ... tháng ... năm ...

(01) Số hiệu chuyến bay:

Ngày giờ bay:

(02) Từ sân bay:

Đến sân bay:

(03) Số hiệu phương tiện chứa hàng miễn thuế:

(04) Họ tên người giao tiền:

Chức vụ:

(05) Họ tên người nhận tiền:

Chức vụ:

Tiền mặt đưa lên tàu bay (06)			(07) Xác nhận của hải quan (Ký, đóng dấu số hiệu công chức)	Tiền mặt mang xuống tàu bay (08)			(09) Xác nhận của hải quan (Ký, đóng dấu số hiệu công chức)	Tổng tiền thu được không bằng tiền mặt (10)
STT	Loại tiền	Số lượng		STT	Loại tiền	Số lượng		

**(11) ĐẠI DIỆN CỦA
DOANH NGHIỆP**
(Ký, ghi rõ họ tên)

(12) TIẾP VIÊN
(Ký, ghi rõ họ tên)

**(13) ĐẠI DIỆN CỦA
DOANH NGHIỆP**
(Ký, ghi rõ họ tên)

(14) TIẾP VIÊN
(Ký, ghi rõ họ tên)

* *Ghi chú:* Tại cột (06) và (08) ghi rõ loại tiền mang vào/ra khu cách ly như: VND, USD, EURO,...

Mẫu số 08/DSHH

**DANH SÁCH HÀNG HÓA ĐƯA VÀO/ĐƯA RA CỬA HÀNG
MIỄN THUẾ, KHO CHỨA HÀNG MIỄN THUẾ**

*(Đối với hàng hóa sản xuất tại Việt Nam, hàng hóa nhập khẩu đã hoàn thành
thủ tục nhập khẩu)*

..., ngày tháng ... năm....

(01) Tên doanh nghiệp:

Mã số thuế:

(02) Cửa hàng/kho chứa hàng:

(03) Danh sách hàng hóa:

(04) Loại tiền:

STT	Tên hàng	Đơn vị tính	Số lượng	Trị giá	Ghi chú
(05)	(06)	(07)	(08)	(09)	(10)

**(11) ĐẠI DIỆN THEO PHÁP
LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ và tên)

**(12) XÁC NHẬN HẢI QUAN
QUẢN LÝ CỬA HÀNG MIỄN
THUẾ, KHO HÀNG MIỄN THUẾ**
(Ký, đóng dấu số hiệu công chức)

* **Ghi chú:** Tại chỉ tiêu số (04) ghi rõ loại tiền để khai trị giá hàng hóa tại cột số (09) như:
VND, USD, EURO,...

Mẫu số 09/BKHH

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm....

BẢNG KÊ HÀNG HÓA BÁN CHO KHÁCH XUẤT CẢNH

(01) Tên doanh nghiệp:

(02) Mã số thuế:

(03) Cửa hàng/kho chứa hàng:

(04) Quốc gia/vùng lãnh thổ giao hàng:

STT	Số hóa đơn	Thông tin người mua hàng				Thông tin hàng hóa			
		Họ tên	Quốc tịch	Số hộ chiếu/ số giấy thông hành/ số giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế	Ngày hết hạn	Tên hàng	Đơn vị tính	Số lượng	Trị giá
(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP

(Ký tên và đóng dấu)

Mẫu số 10/BKHMT

TÊN DOANH NGHIỆP
_____CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm....

BẢNG KÊ HÀNG MẪU, HÀNG THỦ, TÚI, BAO BÌ NHẬP KHẨU

(01) Tên doanh nghiệp:

(02) Mã số thuế:

(03) Cửa hàng/kho chứa hàng:

STT	Tên hàng	Đơn vị tính	Số lượng	Trị giá	Ghi chú
(04)	(05)	(06)	(07)	(08)	(09)

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP
(Ký tên và đóng dấu)

Mẫu số 11/BBKT

CƠ QUAN CHỦ QUẢN CẤP TRÊN
CƠ QUAN LẬP BIÊN BẢNCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/BB-HC

BIÊN BẢN KIỂM TRA

Căn cứ pháp lý:

Thực hiện Quyết định số ngày của về việc kiểm tra thực
tế lượng hàng tồn của cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế tại trụ sở của
..... mã số thuế:

Địa chỉ:

Hôm nay, hồi....giờ....phút....ngày ... tháng...năm.....

Chúng tôi gồm:

1. Ông (bà): Chức vụ: Đơn vị

2. Ông (bà): Chức vụ: Đơn vị

Đã làm việc với:

1. Ông (bà): Năm sinh Quốc tịch

Chức danh: Công ty

Địa chỉ:

Căn cước công dân/Hộ chiếu số: Ngày cấp: Nơi cấp:

2.

Nội dung kiểm tra:

.....

.....

Kết quả kiểm tra:

.....

.....

Biên bản kết thúc vào hồi:

Biên bản được lập thành bản, mỗi bản gồm tờ, có nội dung và giá trị
như nhau, các bên gồm:, mỗi bên giữ 01 bản.

Sau khi đọc biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản và
cùng ký vào biên bản.

Ý kiến bổ sung khác (nếu có)⁽¹⁾:

.....

NGƯỜI THAM GIA LÀM VIỆC⁽²⁾

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI THAM GIA KIỂM TRA⁽³⁾

(Ký, ghi rõ họ tên)

*** Ghi chú:**

(1) Những người có ý kiến khác về nội dung biên bản phải nêu ý kiến của mình, lý do có
ý kiến khác, ký và ghi rõ họ tên.

(2) Thành phần tham gia là danh sách cá nhân đã được cử làm việc với đoàn kiểm tra.
Trường hợp đại diện có thẩm quyền ký biên bản phải ký ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu của
người khai hải quan.

(3) Thành phần tham gia là thành viên đoàn kiểm tra tại quyết định kiểm tra. Trường hợp
Trường đoàn kiểm tra ký trên biên bản ghi rõ chức danh Trưởng đoàn.